

**BÁO CÁO**

**Tình hình kinh tế - xã hội tháng 8,  
một số công tác trọng tâm tháng 9 năm 2023**

Trong tháng 8, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo, đôn đốc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội còn lại từ nay đến cuối năm, ban hành kế hoạch<sup>(1)</sup> và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan chuyên môn, địa phương triển khai thực hiện; chỉ đạo thực hiện các thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy triển khai các Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp thứ 10 (*chuyên đề*) - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X. Tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực, khả quan hơn tháng trước: Thu ngân sách, sản xuất công nghiệp, bán lẻ hàng hóa, thành lập mới doanh nghiệp, giải ngân vốn đầu tư công tăng khá so với cùng kỳ; hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cơ bản ổn định; các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, kết nối thị trường, phát triển thương mại điện tử tiếp tục được thực hiện thường xuyên, hiệu quả; thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển ổn định; giải quyết việc làm đạt nhiều kết quả cao, nhất là đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, an sinh xã hội; trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, các loại tội phạm được tập trung triệt phá, ngăn chặn, đẩy lùi. Kết quả thực hiện trên một số ngành, lĩnh vực như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

**1. Các cuộc họp, làm việc của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh**

Trong tháng 8, ngoài chỉ đạo điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 113 cuộc họp, hội nghị; 22 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp; 19 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo một số vấn đề quan trọng như: Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch. Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt kết quả pháp điển hệ thống quy phạm

<sup>1</sup> Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 02/8/2023.

1  
2  
3  
4

5  
6  
7

8  
9

10

pháp luật đối với các chủ đề: An ninh quốc gia; Dân số, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới; Thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác; Tổ chức bộ máy nhà nước; trật tự, an toàn xã hội và 08 đề mục; Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 24/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch, chính sách, giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2023; Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp phiếu lý lịch tư pháp tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo bền vững trong giai đoạn hiện nay...

## **2. Ban hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh**

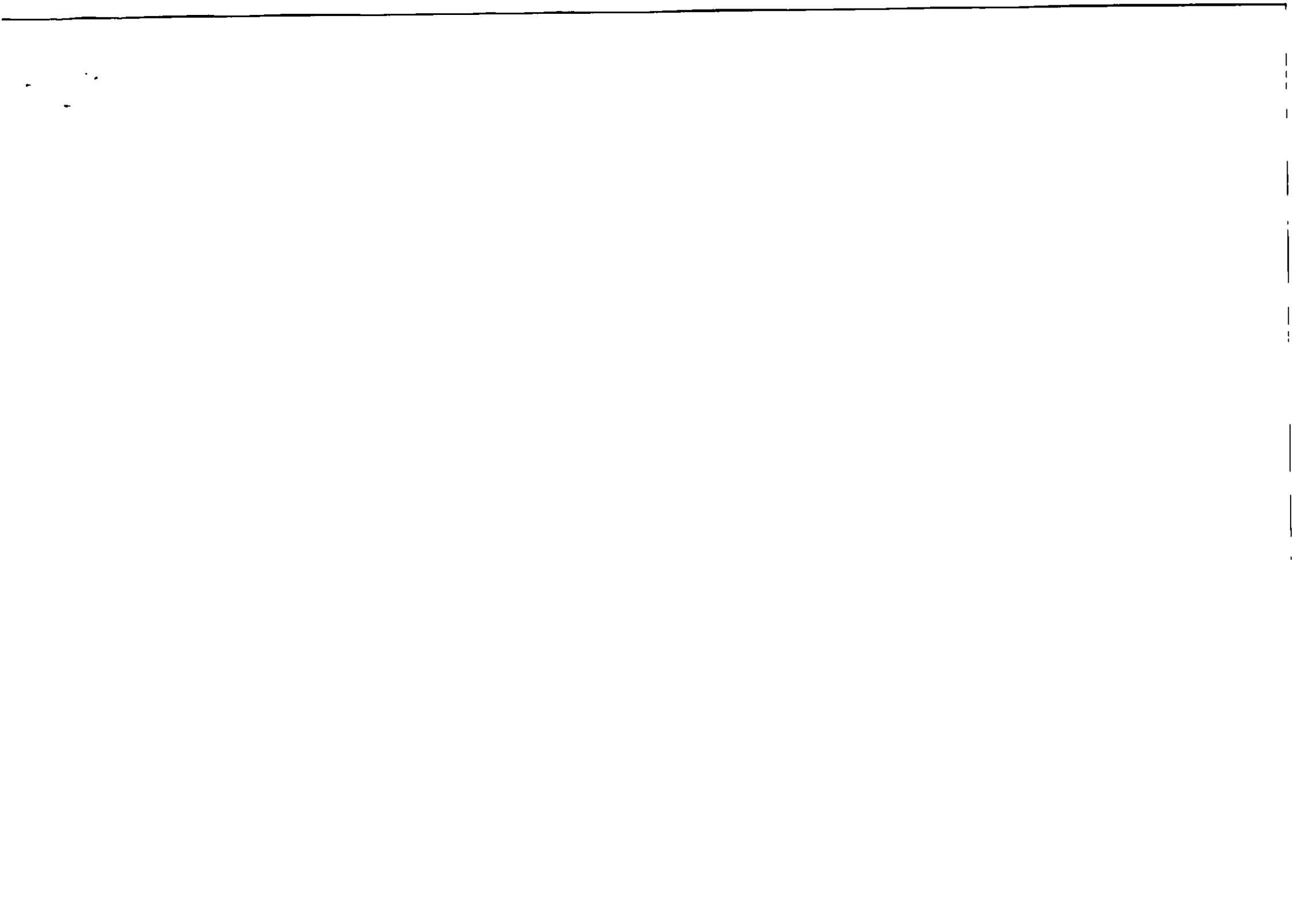
Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành: 02 Quyết định quy phạm pháp luật, 11 Kế hoạch; 164 Quyết định cá biệt và 1191 văn bản hành chính khác. Ngoài ra Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 22 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THÁNG**

**1. Kết quả thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá; các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ**

### **1.1. Kết quả thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm**

- Tiếp tục đôn đốc, tạo điều kiện cho nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai 04 dự án điện gió và dự án điện sinh khối; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư Khu bến



cảng tổng hợp Định An, Nhà máy sản xuất Hydro xanh Trà Vinh; tiếp tục vận động, chi trả bồi hoàn giải phóng mặt bằng dự án cầu Đại Ngãi<sup>(2)</sup>.

- Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi và cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng phù hợp với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, diễn biến thị trường; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cải tạo vườn tạp, giồng tạp; tăng cường áp dụng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao. Đến nay, Cục Bảo vệ thực vật duy trì và cấp mới 23 mã số vùng sản xuất phục vụ xuất khẩu. Tiếp tục thực hiện Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025 (*đến nay đã hoàn thành 05/08 tiêu chí tỉnh nông thôn mới*).

- Xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khóm, người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khóm và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2023 cho các đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Trà Vinh. Tổ chức 02 lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng, đăng ký danh sách 05 cán bộ, công chức tham gia khóa bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp năm 2023. Khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng năm 2024.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao điểm số và thứ hạng các chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, ICT Index, PAR Index.

- Thế trận quốc phòng, an ninh vững mạnh, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững; những vấn đề bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân được tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả. Tổng kết diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2023, kết quả được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

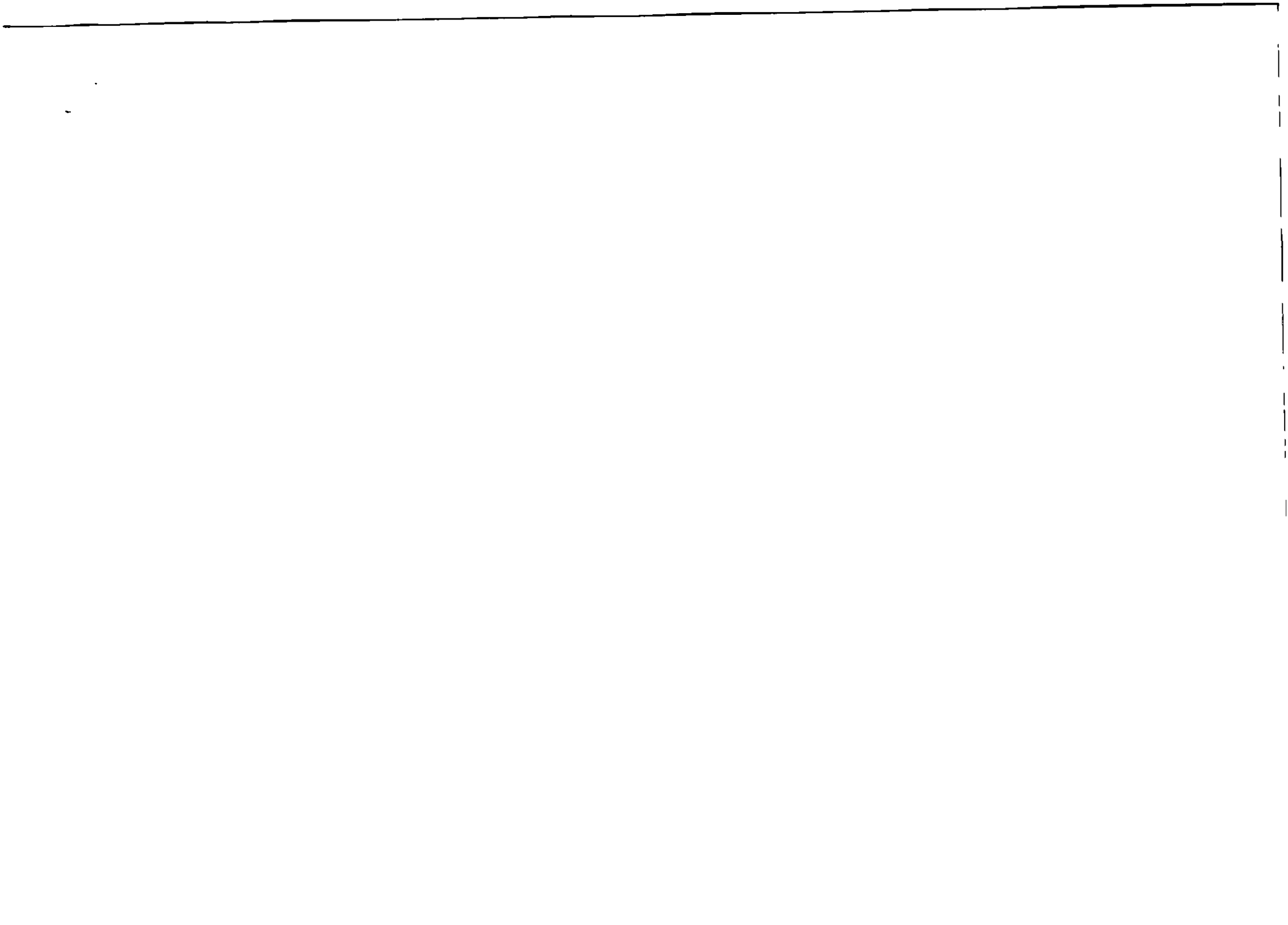
### *1.2. Kết quả thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá*

- Triển khai Nghị quyết quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình dự án khác, cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025. Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng đầu tư Khu Công nghiệp Cổ Chiên. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu triển khai nhanh chính quyền điện tử; hiện có 14 doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bưu chính với tổng số 263 điểm phục vụ<sup>(3)</sup>, 100% xã có điểm phục vụ bưu chính, đảm bảo cung cấp dịch vụ cho chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng, vận hành 75/106 trang thông tin điện tử xã, phường, thị trấn.

- Tiếp tục lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính; hoàn thành kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023. Tăng cường

<sup>2</sup> Kết quả chi trả đến ngày 15/8/2013: (i) Tại xã An Quảng Hữu; đã chi trả cho 242/250 hộ (đạt 96,8%) với tổng số tiền chi trả 111,028/119,246 tỷ đồng; tại xã Hùng Hoà, đã chi trả 91/97 hộ (đạt 93,8%) với tổng số tiền chi trả 67,318/71,134 tỉ đồng.

<sup>3</sup> Có 53 bưu cục, 83 điểm Bưu điện - Văn hóa xã và 127 điểm phục vụ hình thức khác.



quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các khu đất công; toàn tỉnh hiện có 46 khu đất công với tổng diện tích 2.552.300,3m<sup>2</sup> được quản lý chặt chẽ, kiểm tra hiện trạng ranh giới định kỳ, không để xảy ra tình trạng lấn chiếm, sử dụng trái quy định. Triển khai Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023.

- Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất; trong tháng nghiệm thu 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, công nhận 01 đề tài cấp tỉnh.

### *1.3. Kết quả thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia*

Tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, đến ngày 15/8/2023 đã giải ngân:

- Kế hoạch vốn năm 2023 (ngân sách trung ương): Giải ngân 94,534 tỷ đồng/468,596 tỷ đồng, đạt 20,17%. Trong đó: Vốn đầu tư giải ngân 85,78 tỷ đồng/229,245 tỷ đồng, đạt 37,42%; vốn sự nghiệp giải ngân 8,754 tỷ đồng/239,351 tỷ đồng đạt 3,66%. Chi tiết từng chương trình:

+ Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 26,740 tỷ đồng/110,283 tỷ đồng, đạt 24,25%.

+ Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 2,587/56,434 tỷ đồng, đạt 4,48%. (2,5870 tỷ đồng vốn sự nghiệp, vốn đầu tư chưa giải ngân).

+ Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 65,207 tỷ đồng/301,879 tỷ đồng, đạt 21,6%.

- Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 (ngân sách trung ương): giải ngân 22,424 tỷ đồng/147,959 tỷ đồng, đạt 15,16%. Trong đó: Vốn đầu tư giải ngân 21,668 tỷ đồng/61,718 tỷ đồng, đạt 35,11%; vốn sự nghiệp giải ngân 0,756 tỷ đồng/86,241 tỷ đồng đạt 0,88%.

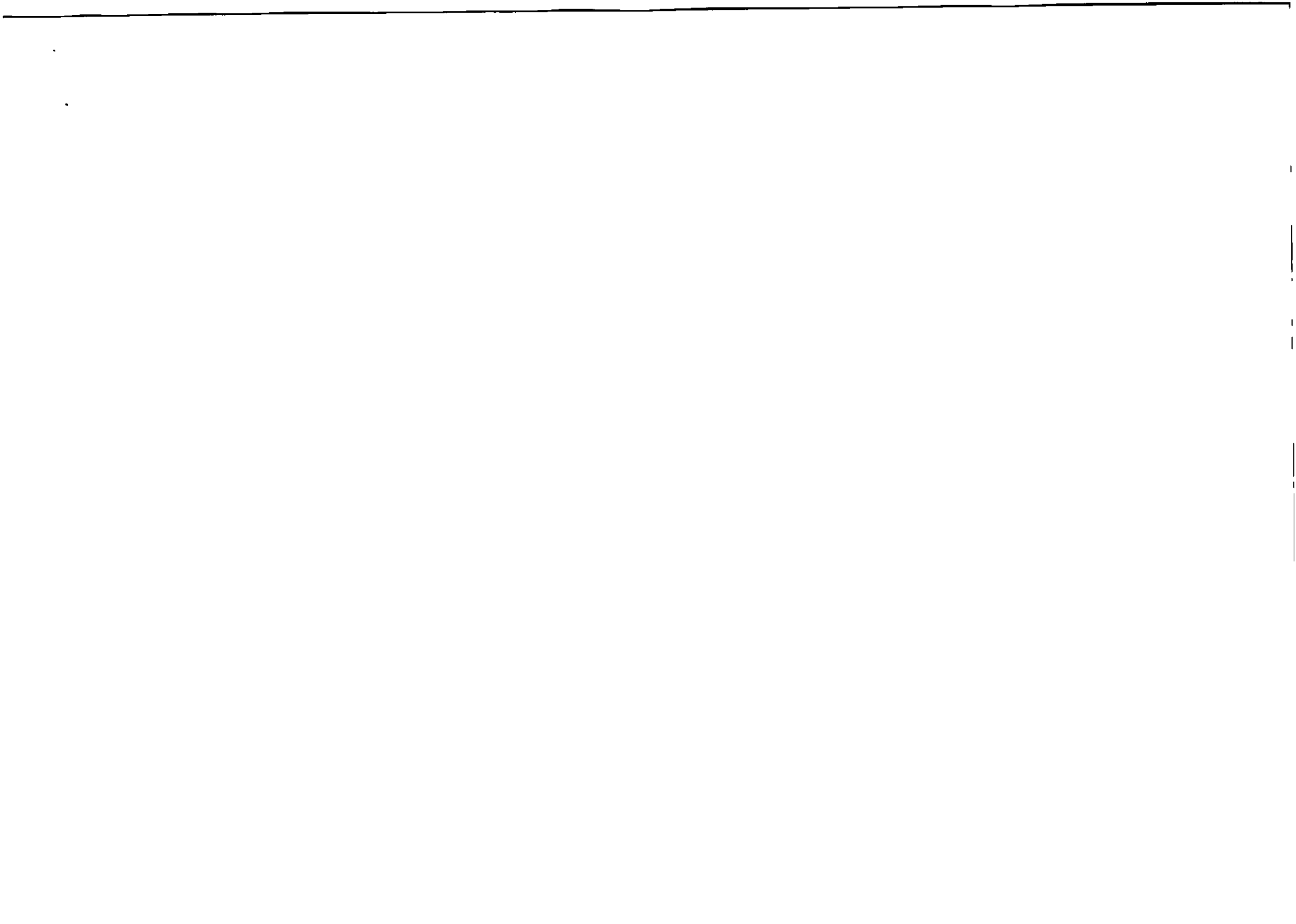
### *1.4. Kết quả thực Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ*

(1) *Thực hiện các chính sách thông qua Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh:* Đối với kế hoạch vốn năm 2023, Trung ương giao kế hoạch vốn cho 02 chương trình<sup>(4)</sup> với tổng vốn 35 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến 17/8/2023, có 03 chính sách được tiếp tục giải ngân từ nguồn chuyển tiếp và nguồn thu hồi các khoản vay trước với tổng số tiền được giải ngân là 30,59 tỷ đồng. Tổng dư nợ cho vay 198,31 tỷ đồng với 4.610 lượt khách hàng, trong đó:

- Chính sách Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định tại Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ: Đầu năm đến nay không phát sinh cho vay, thu nợ; lũy kế đến nay dư nợ 140 tỷ đồng (đạt 100% vốn được phân bổ năm 2022) với 3.400 khách hàng;

- Chính sách Cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập: Trong 8

<sup>4</sup> Chính sách Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; Chính sách Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022





tháng đầu năm cho 02 khách hàng vay 20 triệu đồng; thu hồi 56 triệu đồng từ 06 khách hàng; dư nợ 1,58 tỷ đồng với 168 khách hàng.

- Chính sách Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ: Chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2023 là 10 tỷ đồng; trong 10 tháng đầu năm xét duyệt cho 24 khách hàng vay 8,25 tỷ đồng, thu hồi 1,29 tỷ đồng từ 03 khách hàng; dư nợ 13,29 tỷ đồng với 41 khách hàng.

- Chính sách Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi Covid-19: Trong 8 tháng đầu năm không phát sinh cho vay; thu nợ 30 triệu đồng; dư nợ 450 triệu đồng với 06 khách hàng.

- Chính sách Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022: Chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2023 là 25 tỷ đồng; trong 8 tháng đầu năm giải ngân cho 554 lượt khách hàng vay 22,31 tỷ đồng, thu hồi 528 triệu đồng; dư nợ 42,99 tỷ đồng với 995 khách hàng.

(2) Thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách Nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP: Đã hỗ trợ 06 khách hàng<sup>(5)</sup> tiếp cận vốn vay với doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình đạt 16,62 tỷ đồng, dư nợ hỗ trợ lãi suất đạt 9,79 tỷ đồng (số tiền lãi hỗ trợ là 0,11 tỷ đồng).

(3) Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, Thủ tướng Chính phủ đã bố trí vốn cho 04 dự án với số vốn 366 tỷ đồng, đang triển khai thi công 03 dự án<sup>(6)</sup>, đang tổ chức lựa chọn nhà thầu 01 dự án<sup>(7)</sup>; đến 15/8/2023 giải ngân 136,737 tỷ đồng, đạt 37,4% kế hoạch.

## 2. Tài chính, ngân hàng

Thảo luận dự toán ngân sách năm 2024 với Bộ Tài chính; thu ngân sách trong tháng ước đạt 670,363 tỷ đồng, lũy kế 8 tháng thu 11.553,701 tỷ đồng, đạt 89,66% dự toán, tăng 26,85% so với cùng kỳ<sup>(8)</sup> (thu nội địa 3.992,918 tỷ đồng, đạt 70,04% dự toán, tăng 11,76% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 751,355 tỷ đồng, đạt 61,59% dự toán); một số khoản thu tăng khá so với cùng kỳ như: (i) thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài gấp 3,3 lần; (ii) thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước gấp 7,7 lần; (iii) thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác gấp 27 lần; (iv) thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tăng 21,6%; (v) thu từ hoạt động xổ số kiến thiết tăng 41,8%; (vi) thu khác ngân sách tăng 14,15%. Chi ngân sách 748,103 tỷ đồng, lũy kế 8 tháng chi 5.462 tỷ đồng, đạt 46,34% dự toán, tăng 9,11% so với cùng kỳ.

<sup>5</sup> Gồm 04 doanh nghiệp và 02 hộ kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ lưu trú, ăn uống.

<sup>6</sup> Dự án Đầu tư các dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, kè biển trên địa bàn các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải; Dự án Kè chống sạt lở khu vực thị trấn Cầu Kè; Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải.

<sup>7</sup> Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 98 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Trà Vinh.

<sup>8</sup> Tăng so với cùng kỳ do tăng thu nội địa, tăng thu chuyển nguồn cải cách tiền lương, tăng thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; nếu loại trừ thu chuyển nguồn 2.782,641 tỷ đồng thì tổng thu 8 tháng đạt 8.771,060 tỷ đồng, tăng 23,76% so với cùng kỳ, đạt 68% dự toán.



Các tổ chức tín dụng (TCTD) chấp hành tốt việc giảm lãi suất huy động và lãi suất cho vay, điều chỉnh giảm lãi suất huy động tiền gửi khoảng 0,5%/năm đối với kỳ hạn 6 tháng đến dưới 12 tháng, giảm 0,2%/năm đối với tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Ước đến 31/8/2023, tổng vốn hoạt động của các TCTD đạt 47.270 tỷ đồng, tăng 5,3% so với cuối năm 2022, tổng dư nợ cho vay đạt 40.950 tỷ đồng, tăng 6,37% so với cuối năm 2022, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 61%, nợ xấu chiếm 1,31% tổng dư nợ. Các chương trình, chính sách tín dụng tiếp tục được triển khai đến các đối tượng khách hàng<sup>9</sup>.

### 3. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

#### 3.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới

##### a) Nông nghiệp

##### - Trồng trọt:

+ Thu hoạch 12.725 ha lúa Hè Thu; xuống giống 7.167 ha lúa Thu Đông; lũy kể đến nay tổng diện tích lúa đã gieo sạ đạt 140.338 ha, đạt 73,89% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 3,92% (tương đương 5.290 ha); thu hoạch 78.717 ha, chiếm 56,09% diện tích xuống giống, sản lượng ước đạt 465.282 tấn, năng suất bình quân 5,91 tấn/ha.

+ Gieo trồng 3.360 ha cây màu, công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác, lũy kể đầu năm đến nay đã gieo trồng 41.751 ha<sup>10</sup>, đạt 79,40% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ gần 1.974 ha); thu hoạch 31.679 ha với tổng sản lượng 859.195 tấn.

- Chăn nuôi, thú y: Tiếp tục vận động người dân thực hiện tiêm phòng đàn vật nuôi<sup>11</sup>; tăng cường công tác kiểm dịch xuất, nhập tinh<sup>12</sup>. Ước đến tháng 8/2023, tổng đàn trâu bò đạt 248.730 con (đạt 101,52% kế hoạch, tăng 4,52% so với cùng kỳ); đàn heo ước đạt 270.690 con (đạt 96,68% kế hoạch, giảm 1,14% so với cùng kỳ); đàn gia cầm ước đạt 6,509 triệu con (đạt 83,45% kế hoạch, giảm 9,03% so với cùng kỳ).

- Thủy lợi nội đồng, phòng chống thiên tai: Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, vận hành công tích trữ nước ngọt ở những nơi có điều kiện, ngăn triều cường phục vụ sản xuất lúa vụ Hè Thu và Thu Đông. Nạo vét 13 kênh cấp II<sup>13</sup>; khảo sát, xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng và khắc phục sạt lở công trình đê điều năm 2024. Đầu năm đến nay, tổ chức 151 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, kè, phát hiện và xử lý 29 trường hợp vi phạm. Do ảnh hưởng của mưa bão, làm đổ ngã 484 ha lúa Hè Thu sắp thu hoạch trên địa bàn các huyện Tiểu Cần, Trà Cú, Châu Thành, tỷ lệ thiệt hại từ 30-70%.

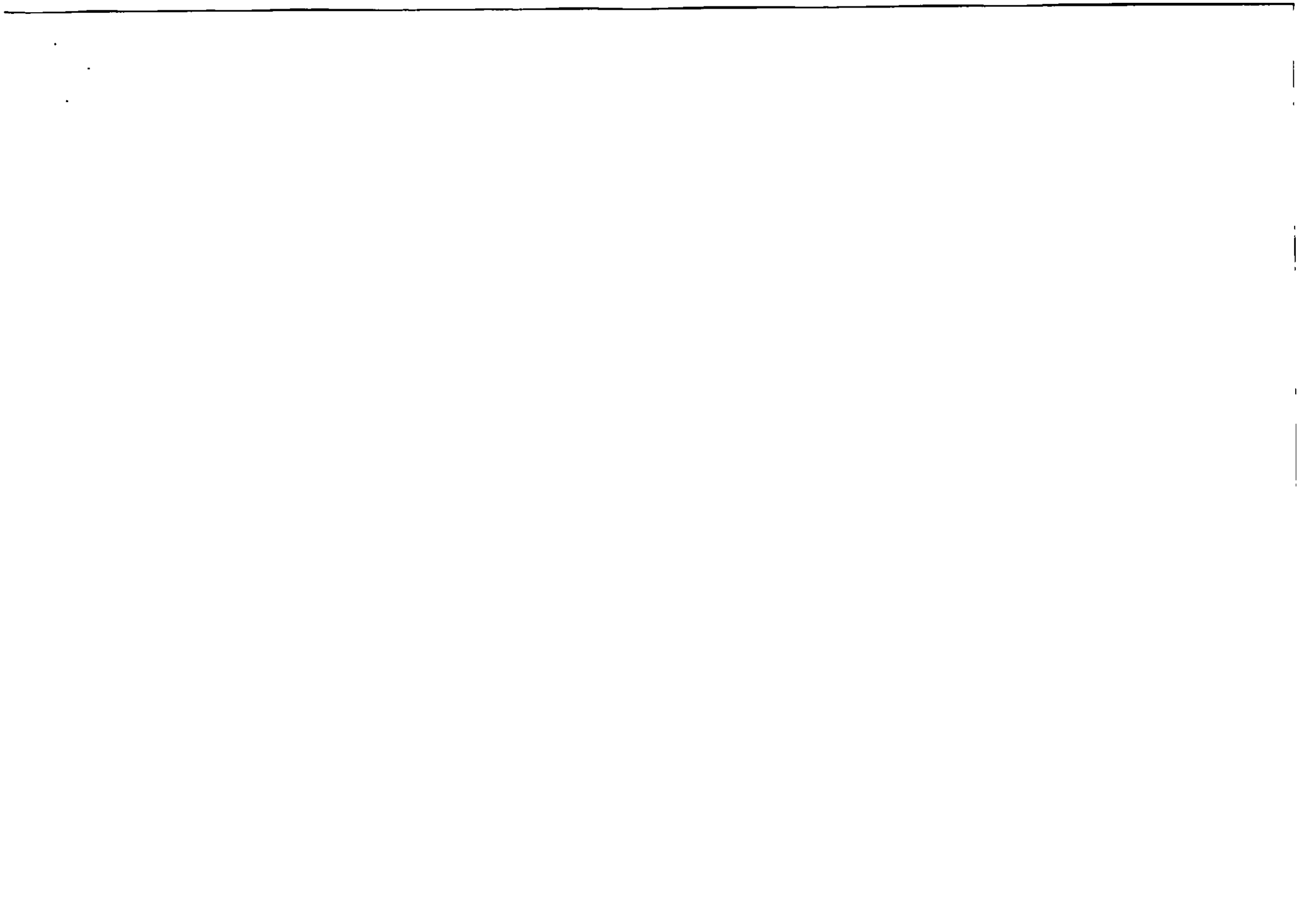
<sup>9</sup> Cho vay nông nghiệp, nông thôn: 21.700 tỷ đồng (chiếm 52,99% tổng dư nợ); cho vay xuất khẩu: 670 tỷ đồng; cho vay DNNVV: 5.200 tỷ đồng; tín dụng chính sách: 4.090 tỷ đồng...

<sup>10</sup> Trong đó: Mầu lương thực 4.662 ha (đạt 78,09% kế hoạch); cây thực phẩm 23.800 ha (73,06% kế hoạch); cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.289 ha (đạt 94,65% kế hoạch).

<sup>11</sup> Đến nay đã tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm 1,87 triệu con (đạt 31,63% kế hoạch), lở mồm long móng 131,6 ngàn con (đạt 30,3% kế hoạch riêng đàn bò đạt 55,79% kế hoạch), Viêm da nổi cục 63 ngàn con (đạt 34,26% kế hoạch); Đại chó 27,197 ngàn liều (đạt 25,57% kế hoạch), vắc xin DTHCP 212 con; các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 425 ngàn con (đạt 60,67% kế hoạch) và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 2,76 triệu con.

<sup>12</sup> Đến nay đã kiểm dịch 84.175 con heo (giảm 73.519 con so cùng kỳ); 18.614 con bò (tăng 10.065 con), 1,162 triệu con gia cầm (tăng 155,8 ngàn con); 347,6 tấn sản phẩm động vật (tăng 86 tấn)

<sup>13</sup> xã Phương Thạnh, An Trường A, Huyện Hối, Tân Bình và Đại Phúc (huyện Càng Long); xã Kim Sơn, Lưu Nghiệp Anh, Long Hiệp và Ngọc Biên (huyện Trà Cú).



*b) Lâm nghiệp:*

Trồng mới 21 ha rừng<sup>(14)</sup>, vệ sinh phòng cháy 355,45 ha rừng, đạt 100% kế hoạch. Giao khoán bảo vệ 3.348,74 ha (đạt 95,95% kế hoạch)<sup>(15)</sup>. Tổ chức 129 lượt tuần tra bảo vệ rừng, lũy kế đầu năm đến nay thực hiện 615 lượt tuần tra xử lý 03 trường hợp vi phạm.

*c) Thủy sản:*

Tổng diện tích nuôi thủy sản trong tháng 4.711 ha; lũy kế 8 tháng thả nuôi trên 55.673 ha, đạt 106,86% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1,86%, trong đó: Nuôi vùng nước ngọt 4.153 ha, đạt 118,65% kế hoạch; nuôi vùng mặn, lợ 51.521 ha, đạt 106,01% kế hoạch, nhiều nhất là nuôi tôm sú (vượt 17,02% kế hoạch).

Tổng sản lượng thủy sản 36.905 tấn, lũy kế 8 tháng 172.177 tấn, đạt 70,41% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 13,28% (tương đương 20.187 tấn); trong đó: sản lượng nuôi trồng 130.772 tấn, tăng 13,97% so với cùng kỳ<sup>(16)</sup>; sản lượng khai thác 41.405 tấn, tăng 11,17% so với cùng kỳ<sup>(17)</sup>.

*d) Xây dựng nông thôn mới:*

- *Huyện nông thôn mới:* Tiếp tục hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới huyện Trà Cú, theo kết quả huyện tự đánh giá, có thêm 02 tiêu chí đạt, đến nay đạt 7/9 tiêu chí<sup>(18)</sup>.

- *Xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu:* đến nay có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, 38 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 03 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- *Chương trình OCOP:* Sơ kết tình hình hoạt động 06 tháng đầu năm của Ban chỉ đạo xây dựng phát triển sản phẩm OCOP, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và phát triển thương mại điện tử tỉnh. Khai trương Cửa hàng trưng bày giới thiệu và bán các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm thủ công mỹ nghệ của Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Biển tại thị xã Duyên Hải<sup>(19)</sup>.

### 3.2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tương đối thuận lợi, tăng trưởng khá so với tháng trước và cùng kỳ, trong đó: chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 39,26% so với tháng trước, lũy kế 8 tháng tăng 25,52% so với cùng kỳ; giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 3.809,39 tỷ đồng, lũy kế 8 tháng đạt 23.991,81 tỷ đồng, đạt 70,85% kế hoạch, tăng 15,67% so với cùng kỳ. Cả 04 lĩnh vực sản xuất công nghiệp đều tăng so với cùng kỳ, trong đó: (i) Công nghiệp khai khoáng tăng 25,18%; (ii) Công nghiệp chế biến, chế tạo<sup>(20)</sup> tăng 6,46%; (iii) Công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước nóng, hơi nước tăng 24,57% (tổng sản lượng điện sản xuất đến nay đạt 9,506 tỷ kWh, đạt

<sup>14</sup> Gồm: 20 ha rừng Đước đổi và 01 ha rừng Bần chua

<sup>15</sup> Nguyên nhân không đạt kế hoạch do rừng bị sạt lở làm giảm diện tích giao khoán rừng.

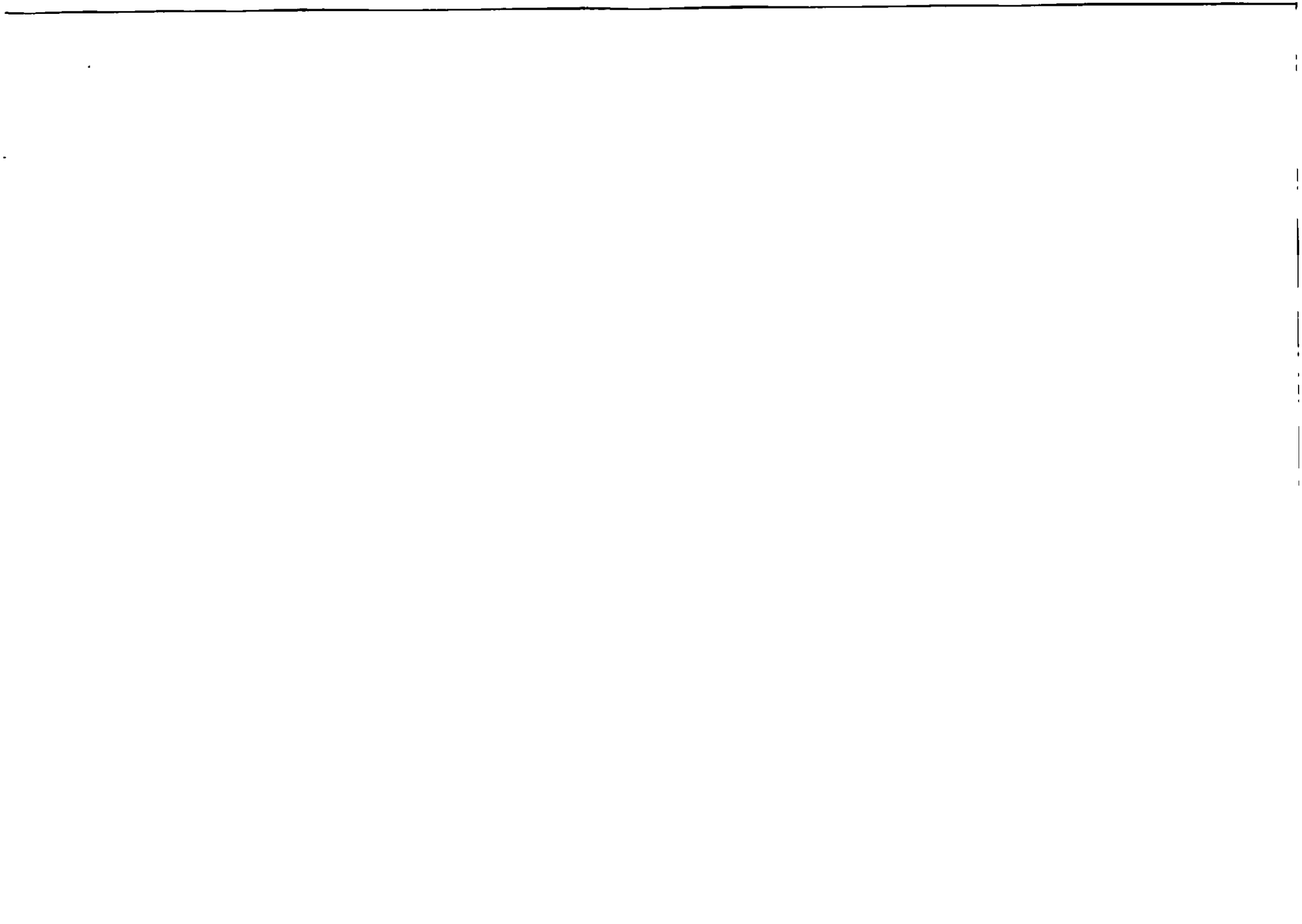
<sup>16</sup> Nuôi nước mặn, lợ 76.634 tấn (tăng 17,32%, tương đương 11.311 tấn); nuôi nước ngọt 54.138 tấn (tăng 9,54%, tương đương 4.716 tấn).

<sup>17</sup> Trong đó: Khai thác biển 36.644 tấn (tăng 12,32% tương đương 4.136 tấn); khai thác nội địa 4.761 tấn (đang 0,49%, tương đương 23 tấn).

<sup>18</sup> Còn 02 tiêu chí chưa đạt, gồm: (i) tiêu chí 7 về môi trường; (ii) tiêu chí 9 về hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công

<sup>19</sup> Có 10 cơ sở, doanh nghiệp trưng bày 50 loại sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại cửa hàng.

<sup>20</sup> Một số sản phẩm tăng so với cùng kỳ như: thuốc viên các loại tăng 17,59%; túi xách các loại tăng 17,33%; thảm dệt các loại tăng 16,23%; bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô tăng 7,27%; nước sinh hoạt tăng 5,08%...



75,35% kế hoạch, tăng 16,18% so với cùng kỳ); (iv) Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,4%.

Triển khai cho các cơ sở, doanh nghiệp đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2023<sup>(21)</sup>. Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp an toàn đối với công tác quản lý, vận hành các nhà máy điện gió trên địa bàn tỉnh; đầu năm đến nay phát triển mới 21,65km đường dây trung thế, 8,99km đường dây hạ thế, 206 trạm biến áp; tỷ lệ hộ sử dụng điện đến nay đạt 99,57% tổng số hộ dân toàn tỉnh.

### 3.3. Thương mại - dịch vụ

Xây dựng các kế hoạch: Triển khai thực hiện “Chương trình khuyến mại tập trung quốc gia 2023 - Vietnam Grand Sale 2023”; Dự trữ hàng hoá trong Chương trình bình ổn thị trường 2023. Công tác bình ổn thị trường thực hiện tốt, nhất là sản phẩm lúa, gạo; kịp thời chỉ đạo các đơn vị sản xuất, kinh doanh lúa gạo trên địa bàn có phương án đảm bảo nguồn cung từ nay đến cuối năm. Sức mua trong dân tăng cao, tập trung chủ yếu ở một số mặt hàng như sách giáo khoa, trang phục, balo túi xách... chuẩn bị cho ngày khai giảng năm học mới. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong tháng ước đạt 4.733,53 tỷ đồng, lũy kế 8 tháng đạt 37.135,78 tỷ đồng, đạt 70,78% so kế hoạch, tăng 22,98% so với cùng kỳ, trong đó: (i) bán lẻ hàng hóa tăng 22,98%; (ii) Lưu trú, ăn uống tăng 24,22%; (iii) dịch vụ khác tăng 21% và (iv) du lịch gặp 2,78 lần cùng kỳ.

### 3.4. Xúc tiến đầu tư<sup>(22)</sup>; xúc tiến thương mại; hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp<sup>(23)</sup>; kinh tế tập thể, hợp tác xã

Hoạt động hỗ trợ, kết nối giao thương cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tiếp tục được quan tâm: hỗ trợ 90 lượt cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các kỳ hội chợ tại tỉnh Sóc Trăng, Đà Nẵng và kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản, thủy sản, sản phẩm OCOP tại các tỉnh Sơn La, Vũng Tàu và Hải Phòng; hỗ trợ 04 doanh nghiệp cập nhật, giới thiệu 10 loại sản phẩm trên sàn giao dịch thương mại điện tử<sup>(24)</sup>; cập nhật 16 thông tin thị trường trong và ngoài nước, 08 thông tin thị trường trong tỉnh, 08 Mô hình kinh tế và giải pháp kinh tế<sup>(25)</sup>

Phối hợp với Tạp chí Việt Nam Hội nhập thực hiện chuyên đề “Trà Vinh – Từng bước mở đường tiến ra biển lớn”; xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư năm 2023. Tiếp và làm việc với 04 nhà đầu tư; cấp chủ trương đầu tư 02 dự án với tổng vốn đầu tư 148,2 tỷ đồng, chấm dứt hoạt động 01 dự án<sup>(26)</sup>; từ đầu năm đến nay cấp chủ trương/giấy chứng nhận đầu tư 08 dự án (tăng 03 dự án

<sup>21</sup> Đến nay đã tiếp nhận 90 hồ sơ sản phẩm, bộ sản phẩm của 61 cơ sở công nghiệp nông thôn.

<sup>22</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 375 dự án còn hiệu lực, trong đó có 38 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 2,99 tỷ USD và 337 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 140,962 nghìn tỷ đồng.

<sup>23</sup> Đến nay có 4.543 doanh nghiệp, vốn 62.559 tỷ đồng, 92.506 lao động (liệu có 2.854 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 52.756 tỷ đồng, 68.663 lao động) trong đó có 44 doanh nghiệp FDI.

<sup>24</sup> Lũy kế đã cập nhật 22 lượt doanh nghiệp/HTX tham gia sàn với trên 50 loại sản phẩm là các sản phẩm OCOP, sản phẩm CNNTTB và sản phẩm đạt chứng nhận khác như sản phẩm an toàn, VietGap, ISO.

<sup>25</sup> Lũy kế đã cập nhật 256 bản tin, tin ảnh, thông tin trên sàn.

<sup>26</sup> Dự án “Cửa hàng xăng dầu Nguyễn Tuyên số 02” của Doanh nghiệp Tư nhân Nguyễn Tuyên





so với cùng kỳ), trong đó có 07 dự án<sup>(27)</sup> trong nước với tổng vốn đầu tư 883,531 tỷ đồng và 01 dự án<sup>(28)</sup> nước ngoài với tổng vốn đầu tư 2,5 triệu USD, chấm dứt hoạt động 14 dự án.

Thành lập mới 42 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động 10 doanh nghiệp, 01 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giải thể 10 doanh nghiệp; lũy kế 8 tháng thành lập mới 365 doanh nghiệp<sup>(29)</sup> (đạt 70,19% kế hoạch), tạm ngừng hoạt động 117 doanh nghiệp, hoạt động trở lại 58 doanh nghiệp, giải thể 80 doanh nghiệp. So với cùng kỳ, số thành lập mới tăng 33 doanh nghiệp, tạm ngừng giảm 15 doanh nghiệp, hoạt động trở lại giảm 05 doanh nghiệp, giải thể giảm 15 doanh nghiệp; đăng ký giao dịch qua mạng đạt 100% tổng số hồ sơ.

Tổ chức Hội nghị đối thoại tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX trên địa bàn tỉnh Trà Vinh<sup>(30)</sup>. Thường xuyên thực hiện tư vấn, hỗ trợ, tập huấn cho cán bộ quản lý HTX. Trong tháng không có thành lập mới HTX, giải thể 02 HTX; tính đến ngày 15/8/2023 thành lập mới 08 HTX<sup>(31)</sup> (đạt 80% kế hoạch), giải thể 12 HTX<sup>(32)</sup>. Toàn tỉnh hiện có 163 HTX<sup>(33)</sup> và 01 Liên hiệp HTX lúa gạo đang hoạt động.

### 3.5. Đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 4.760,359 tỷ đồng, đến ngày 15/8/2023, giải ngân 2.006,93 tỷ đồng, đạt 42,2% kế hoạch (cùng kỳ giải ngân đạt 39,3% kế hoạch)<sup>(34)</sup>. Trong đó: (i) Vốn giao đầu năm giải ngân 1.855,982 tỷ đồng/kế hoạch 4.463,233 tỷ đồng, đạt 41,6% kế hoạch; (ii) Vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 giải ngân 49,944 tỷ đồng/kế hoạch 132,22 tỷ đồng, đạt 37,8%; (iii) Kế hoạch vốn năm 2023 giao bổ sung giải ngân 101,004 tỷ đồng/kế hoạch 164,906 tỷ đồng, đạt 61,1%. Đối với các Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thuộc Chương trình phục hồi kinh tế, Thủ tướng Chính phủ đã bố trí vốn cho 04 dự án với số vốn 366 tỷ đồng, đến 15/8/2023 giải ngân 136,737 tỷ đồng, đạt 37,4% kế hoạch.

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục triển khai điều chỉnh Quy hoạch Khu Kinh tế Định An đến năm 2040<sup>(35)</sup>; tập trung hoàn chỉnh Quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (mở rộng) đến năm 2040<sup>(36)</sup>, Chương trình phát triển đô thị thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, đô thị Tiểu Cần, đô thị Càng Long; tiếp tục lập quy hoạch chung đô thị Tiểu Cần, Càng Long, Tân An, Cầu Ngang, Cầu Kè.

<sup>27</sup> Dự án Nhà máy thực phẩm An Phước; dự án Nhà máy sản xuất đồ gia dụng bằng gỗ và bằng sắt, may mặc, giấy da; dự án Khu neo chờ tàu cảng biển trung tâm diện lục Duyên Hải; dự án Kho Xăng dầu Tân Sơn; dự án Nhà ở thuộc thiết chế công đoàn tỉnh Trà Vinh; dự án Trang trại nuôi bò Mỹ Chánh; dự án Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ loại I.

<sup>28</sup> Dự án Dự án gia công các mặt hàng giày dép Công ty TNHH Tera Surplus Việt Nam của

<sup>29</sup> Trong đó, hình thức Công ty TNHH 1 thành viên chiếm 77,53%; doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 14%; các địa phương đạt từ 80% trở lên chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp gồm các huyện Châu Thành, Tiểu Cần, Trà Cú, Duyên Hải.

<sup>30</sup> Hội nghị có trên 168 đại biểu tham dự (trong đó có 113 HTX), qua Hội thảo đã ghi nhận 19 ý kiến phản ánh, đề xuất kiến nghị của HTX, các ý kiến đều được giải đáp thỏa đáng.

<sup>31</sup> HTX hộ tiêu Nô Công, HTX NN Nhất Tâm, HTX nuôi sò Thành Công, HTX NN An Phú Tân, HTX sự kiện Song Yên, HTX NN Phú Nông, HTX NN An Thạnh, HTX phát triển nông sản Long Hữu

<sup>32</sup> HTX NN Tập Sơn, HTX NN Phú Nông, HTX NN Tân Thanh, HTX Nông trường xanh, HTX Đồng Tâm, HTX NN Sông Tiền, HTX NN Thạnh Hòa Sơn, HTX NN Thuận Hòa, HTX Tân Hưng Phú, HTX Vạn Thành.

<sup>33</sup> Trong đó: 118 HTX Nông nghiệp, 29 HTX phi nông nghiệp, 16 Quỹ tín dụng nhân dân.

<sup>34</sup> Số vốn giải ngân tuyệt đối cao hơn cùng kỳ 530,221 tỷ đồng.

<sup>35</sup> Tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư tại 03 thị xã Duyên Hải, huyện Duyên Hải và huyện Trà Cú.

<sup>36</sup> Đang lấy ý kiến Bộ Xây dựng



## 4. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ

### 4.1. Giáo dục và đào tạo

Tổ chức hội nghị tổng kết thi đua cụm các Sở Giáo dục và Đào tạo vùng Tây Nam bộ, Hội nghị tổng kết năm học 2022-2023 và triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024. Xét duyệt kết quả học sinh trúng tuyển vào lớp 6, lớp 10 các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường Trung cấp Pali-Khmer năm học 2023-2024<sup>(37)</sup>; xét công nhận tốt nghiệp THCS 12.872 học sinh<sup>(38)</sup>; cấp phép đi vào hoạt động Trường tư thục Tiểu học, THCS, THPT Việt Anh 5.

### 4.2. Khoa học và công nghệ

Phê duyệt 01 đề tài<sup>(39)</sup>, công nhận 01 đề tài<sup>(40)</sup>, nghiệm thu 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ<sup>(41)</sup>. Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện 07 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh<sup>(42)</sup>; xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở đối với 02 đề xuất của Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ<sup>(43)</sup>. Hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ nhãn hiệu độc quyền cho 03 cơ sở<sup>(44)</sup>; đăng ký, bảo hộ, quản lý và quảng bá nhãn hiệu chứng nhận cho 10 sản phẩm<sup>(45)</sup>; tư vấn về mã số mã vạch cho 03 cơ sở<sup>(46)</sup>; kiểm định 1.884 phương tiện đo.

## 5. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

### 5.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Tổ chức 01 phiên giao dịch việc làm; tư vấn việc làm cho 2.944 lượt lao động; tạo việc làm cho 1.332 lao động, đưa 16 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; lũy kế 8 tháng, tạo việc làm 19.508 lao động, đạt 84,8% kế hoạch, đưa 865 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đạt 96,1% kế hoạch. Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 892 lao động, lũy kế 8 tháng trợ cấp cho 6.364 trường hợp với số tiền chi trả trên 104 tỷ đồng. Cấp phép cho 12 lao động nước ngoài, nâng số lao động nước ngoài đang làm việc trên địa bàn tỉnh đến nay là 274 người.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tư vấn, tuyển sinh trình độ nghề các cấp cho 524 người, nâng tổng số 8 tháng đã tổ chức tuyển sinh, dạy nghề 13.103

<sup>37</sup> Cấp THCS lớp 6: 490 học sinh, trong đó: 476 học sinh dân tộc thiểu số, 14 học sinh dân tộc Kinh; cấp THPT lớp 10: 280 học sinh gồm: 276 học sinh dân tộc thiểu số, 04 học sinh dân tộc Kinh; trường Trung cấp Pali-Khmer: 80 tăng sinh, học sinh (22 tăng sinh, 18 nam, 40 nữ).

<sup>38</sup> Đạt tỉ lệ 99,91%.

<sup>39</sup> Đề tài "Nghiên cứu công thức lai dê (Boer x Bách Thảo) cho năng suất sinh trưởng và chất lượng thịt cao tại tỉnh Trà Vinh".

<sup>40</sup> Đề tài "Nghiên cứu tình hình nhiễm virus viêm gan B và C ở người dân từ 15 đến 65 tuổi tại tỉnh Trà Vinh".

<sup>41</sup> (1) "Đánh giá, dự báo chế độ dòng chảy (lưu lượng, mực nước, chất lượng nước) và diễn biến bồi xói tuyến sông Cổ Chiên và sông Hậu tỉnh Trà Vinh"; (2) "Ứng dụng công nghệ BIM lập mô hình thông tin cho công trình giao thông tại tỉnh Trà Vinh - Triển khai cho dự án cụ thể (có nhiều loại công trình giao thông)".

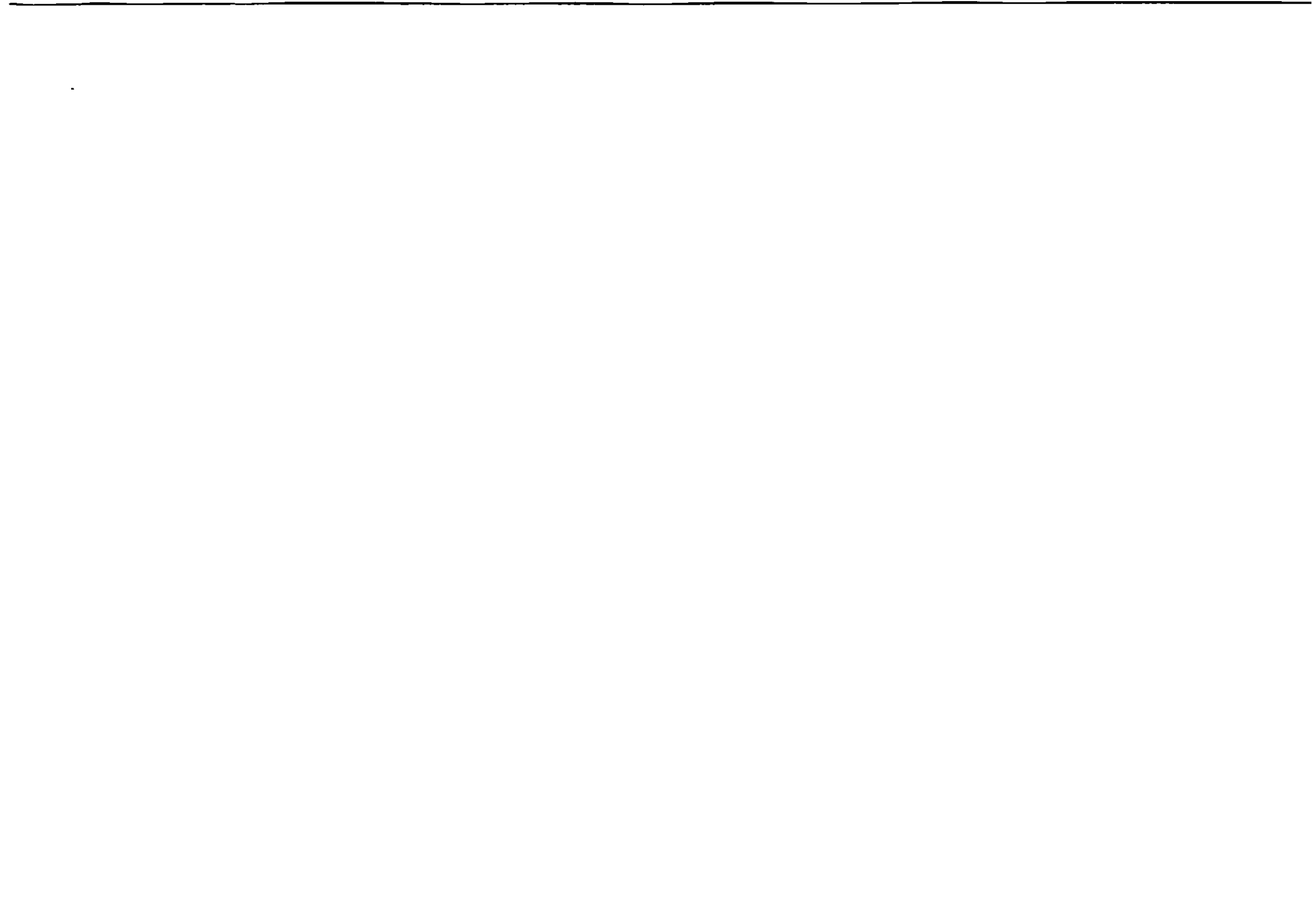
<sup>42</sup> Đề tài "Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng, các yếu tố liên quan và đánh giá bước đầu hiệu quả can thiệp giáo dục sức khỏe về dinh dưỡng ở người dân tộc thiểu số từ 5 đến 16 tuổi tại tỉnh Trà Vinh"; Đề tài "Nghiên cứu phát triển nuôi cá chim vây vàng (*Trachinotus blochii*) thương phẩm phù hợp với điều kiện tại tỉnh Trà Vinh"; Đề tài "Phát triển mô hình du lịch nông nghiệp đặc trưng tại tỉnh Trà Vinh"; Đề tài "Lịch sử ngành Kiểm tra Đảng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1948 - 2020"; Đề tài "Lịch sử Đảng bộ Quân sự tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1945 - 2020"; Đề tài "Lịch sử Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh (1946 - 2021)"; Đề tài "Nghiên cứu giải pháp công nghệ vật liệu sử dụng phối hợp tro xỉ nhiệt điện Duyên Hải và cát nhiễm mặn làm vật liệu đắp nền, bê tông xi măng mặt đường tại tỉnh Trà Vinh".

<sup>43</sup> Đánh giá hiệu quả mô hình trồng thử nghiệm cây cau (*Areca catechu* L) xen một số cây ăn trái (khóm, lựu đỏ, măng cầu xiêm,...) tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh; Trồng thử nghiệm giống dưa leo baby (*Cucumis sativus*) sử dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho vùng đất khô hạn tại xã Mỹ Hòa huyện Cầu Ngang. Kết quả Hội đồng đề nghị thực hiện (có điều chỉnh).

<sup>44</sup> Hộ kinh doanh Trương Minh Hòa; Hộ kinh doanh Thế giới yến sào Kim Yến; Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang.

<sup>45</sup> Gồm: Thanh Long, Cua biển, Bưởi da xanh, Lúa hữu cơ, Tôm hữu cơ, Xoài cát chu, Yến sào Trà Vinh, Lát, Nghêu, các sản phẩm tham gia OCOP từ phong trào Phụ nữ khởi nghiệp của tỉnh.

<sup>46</sup> Công ty Cổ phần Trà Bắc, hộ kinh doanh Lạp xưởng Phúc Mừng, hộ kinh doanh Trần Hoàng Thành



người<sup>(47)</sup>, đạt 69% kế hoạch. Triển khai kế hoạch đặt hàng đào tạo nghề sơ cấp cho 230 thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an<sup>(48)</sup>. Tiếp tục triển khai thực hiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hỗ trợ việc làm bền vững thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia theo kế hoạch vốn năm 2023.

## 5.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Giải quyết chế độ, chính sách cho 58 trường hợp người có công với cách mạng<sup>(49)</sup>; lũy kế 8 tháng giải quyết cho 430 trường hợp. Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 14 trường hợp, đưa 127 người có công và thân nhân liệt sĩ đi điều dưỡng tập trung tại thành phố Đà Nẵng và thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Triển khai điều chỉnh mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo Nghị định 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 của Chính phủ.

## 5.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Tổ chức làm việc với 09 huyện, thị xã, thành phố nắm tình hình, tháo gỡ khó khăn cho địa phương trong quá trình thực hiện chuyển đổi số trong chi trả chính sách trợ giúp xã hội và chính sách người có công với cách mạng<sup>(50)</sup>. Trung tâm Bảo trợ xã hội tiếp tục triển khai thực hiện tốt các hoạt động xã hội, phát triển cộng đồng và chăm sóc, nuôi dưỡng 171 đối tượng. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh ủng hộ tiền và hiện vật trị giá trên 1,5 tỷ đồng, hỗ trợ cho 14.976 lượt đối tượng.

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ BHYT cho người thuộc hộ nghèo thoát nghèo vượt chuẩn cận nghèo cuối năm 2022 theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 và chính sách hỗ trợ cho hộ mới thoát nghèo vay vốn xây dựng nhà ở theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 31/7/2023 của HĐND tỉnh; chỉ đạo tập trung hỗ trợ nhà ở cho 472 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo từ nguồn Quỹ An sinh xã hội tỉnh. Rà soát sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh để kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tổ chức 09 cuộc Hội nghị triển khai và tập huấn nghiệp vụ điều tra, đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

## 5.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em, công tác thanh niên

Tiếp và làm việc với Đoàn công tác của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội Khóa XV khảo sát chính sách đất đai đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Rà soát điều chỉnh nguồn vốn năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg và tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình<sup>(51)</sup>. Tổ chức Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò người có uy

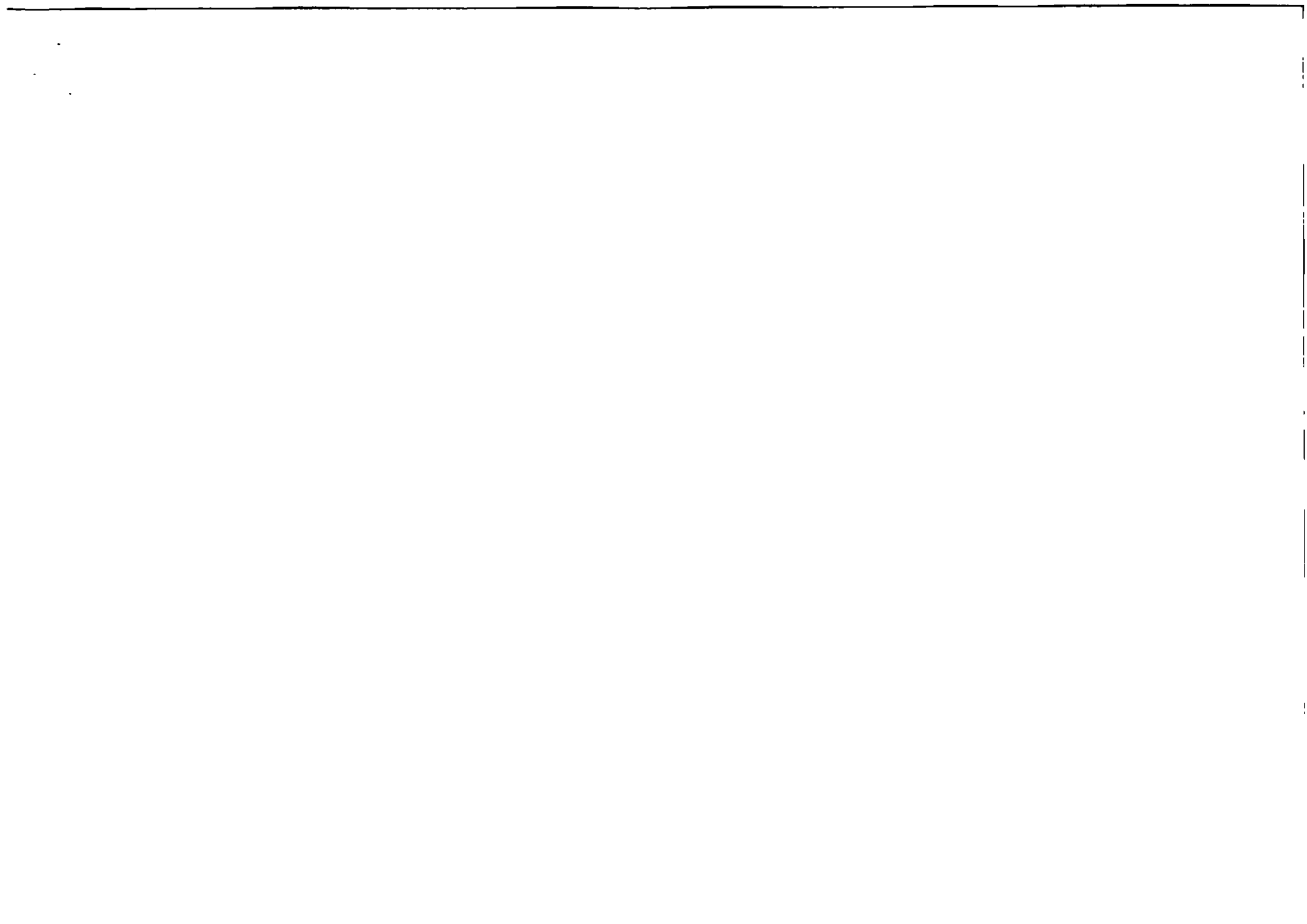
<sup>47</sup> Trong đó: Trình độ cao đẳng 596 học viên; trình độ trung cấp 167 học sinh; trình độ sơ cấp 773 học viên; đào tạo dưới 03 tháng 2.445 học viên; đào tạo chuyển giao khoa học kỹ thuật, bồi dưỡng kỹ năng cho 5.697 người; kèm cấp nghề, lập nghề, truyền nghề trong doanh nghiệp cho 3.425 lao động. Số sinh viên đã tốt nghiệp là 331 người (trong đó: trình độ cao đẳng: 291 sinh viên, trình độ trung cấp: 40 học sinh).

<sup>48</sup> Trong đó: có 25 công an xuất ngũ và 205 bộ đội xuất ngũ.

<sup>49</sup> Chế độ thờ cúng liệt sĩ 27 trường hợp, chế độ mai táng phí 31 trường hợp.

<sup>50</sup> Trong tháng đã gửi ngân hàng VietinBank danh sách 9.231 đối tượng; nâng tổng số đến nay là 14.278 đối tượng<sup>(50)</sup> thụ hưởng chính sách trên địa bàn 46 xã thuộc 06 huyện, thị, gồm: Cầu Kè, Trà Cú, Tiểu Cần, Châu Thành, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải để lập thủ tục mở tài khoản thanh toán (thẻ ATM) cho đối tượng thụ hưởng.

<sup>51</sup> Đến nay, đã hỗ trợ cho 658 hộ làm nhà ở, giải ngân với số tiền 14.407 triệu đồng; hỗ trợ cho 71 hộ chuyển đổi nghề, với số tiền 710 triệu đồng, giải ngân 499 hộ vay vốn theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP với số tiền 19.510 triệu đồng, đạt 78%; thi công 79 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu và duy tu, bảo dưỡng; tổ chức 23 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc; 22 lớp đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.



tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Trà Vinh năm 2021-2022. Học tập, trao đổi kinh nghiệm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 tại các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Tây Ninh. Khảo sát tình hình giảng dạy Chương trình Pali - Khmer tại các điểm chùa Phật giáo Nam tông Khmer trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thăm hỏi, chúc mừng chức sắc, chúc việc, nhà tu hành Phật giáo nhân dịp lễ Vu lan (PL.2567 - DL.2023). Thăm, tặng 190 phần quà cho trẻ em nhân Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè năm 2023 tại huyện Cầu Kè và đưa 04 em tham dự Diễn đàn trẻ em cấp Quốc gia tại Hà Nội.

### 5.5. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin theo phân bổ của Bộ Y tế, đến ngày 08/8/2023 tỷ lệ tiêm vắc xin phòng Covid – 19 toàn tỉnh đạt 99,99%, trong đó: (i) người từ 18 tuổi trở lên mũi 1 đạt 100,64%, mũi 2 đạt 99,45%; mũi 3 đạt 91,27%, mũi 4 tiêm đạt 38,18%; (ii) tiêm cho trẻ em từ 12-17 tuổi: mũi 1 đạt 103,6%, mũi 2 đạt 100,6%; mũi 3 đạt 73,3%; (iii) tiêm cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: mũi 1 đạt 112,2%; mũi 2 đạt 98,33%. Trong tháng không phát hiện ca mắc mới, lũy kế từ đầu năm đến ngày 08/8/2023, phát hiện 205 ca<sup>(52)</sup> mắc mới.

Khám bệnh, chữa bệnh trong tháng 144.371 lượt<sup>(53)</sup>; phát hiện và xử lý 34 ổ dịch<sup>(54)</sup> và 65 ca sốt xuất huyết<sup>(55)</sup>, 101 ca bệnh tay chân miệng<sup>(56)</sup>, 13 người nhiễm HIV<sup>(57)</sup>. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động tham gia bảo hiểm y tế, đến nay tỷ lệ dân số tham bảo hiểm y tế đạt 80,84%. Cấp 07 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm<sup>(58)</sup>. Thực hiện kiểm dịch y tế quốc tế 21 tàu (*nhập cảnh, quá cảnh, xuất cảnh*) với 323 thuyền viên. Xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 05 tuổi.

### 5.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Triển khai Kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025. Tổ chức giải Vô địch Karate tỉnh Trà Vinh<sup>(59)</sup>; đăng cai giải Vô địch các Câu lạc bộ Thể dục Aerobic quốc gia<sup>(60)</sup>. Các đội tuyển tham gia các giải vô địch đạt 31 huy chương các loại. Phối hợp với Hiệp hội Du lịch đồng bằng sông Cửu Long tổ chức Hội nghị xúc tiến, quảng bá du lịch đồng bằng sông Cửu Long với các tỉnh, thành miền Trung tại thành phố Đà Nẵng. Trong tháng lượng khách và doanh thu du lịch có chiều hướng giảm so với tháng trước, có 180.910 lượt khách tham quan và lưu trú (*giảm 24,4%*), công suất phòng bình quân đạt 65% (*giảm 2,9%*), tổng doanh thu 147.731 tỷ đồng (*giảm 7,7%*); lũy kế 8 tháng, có trên 1,55 triệu lượt khách tham quan, với doanh thu trên 1.228 tỷ đồng.

<sup>52</sup> (trong đó 01 ca ngoài tỉnh); tử vong 09 ca; số ca mắc giảm 44.061 ca và tử vong giảm 174 ca so với cùng kỳ năm 2022 (mắc 44.266 ca, tử vong 183 ca).

<sup>53</sup> Lũy kế 1.051.054 lượt, đạt 82,1%

<sup>54</sup> Tăng 32 ổ so với tháng trước.

<sup>55</sup> Tăng 10 ca so với tháng trước.

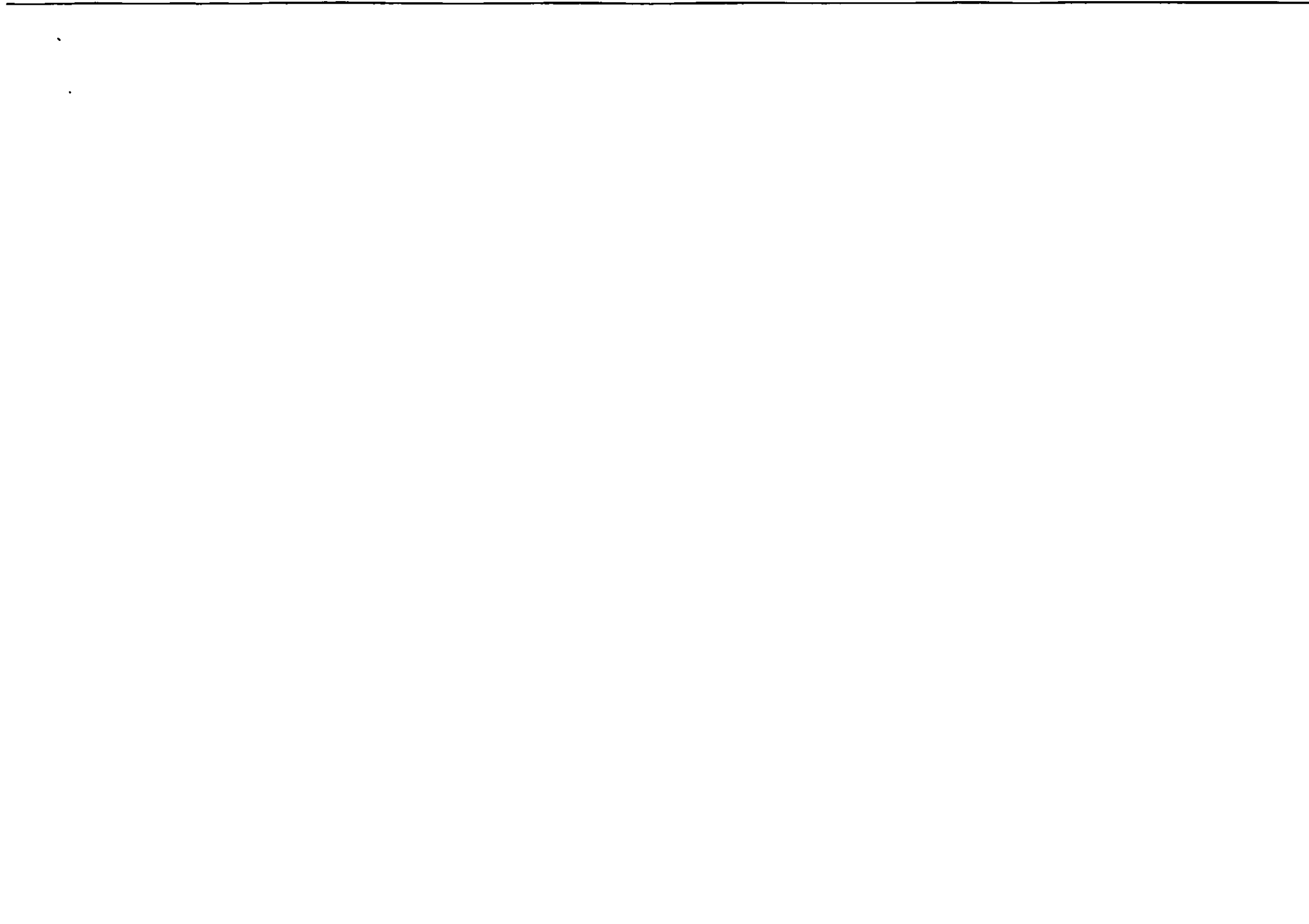
<sup>56</sup> Tăng 38 ca so với tháng trước.

<sup>57</sup> Đến ngày 04/8/2023 toàn tỉnh có 2.791 người nhiễm HIV, trong đó có 1.716 người chuyển sang bệnh AIDS; 1.184 người tử vong vì HIV/AIDS.

<sup>58</sup> Lũy kế 67 hồ sơ

<sup>59</sup> Gồm 11 đơn vị tham gia (Thành phố Trà Vinh; huyện Châu Thành, Đại học Trà Vinh; huyện Cầu Kè; thị xã Duyên Hải; Công an tỉnh; huyện Tiểu Cần; huyện Càng Long; huyện Cầu Ngang; huyện Duyên Hải; Trường Cao đẳng Nghệ) với 197 VĐV; Kết quả, Ban Tổ chức trao 111 huy chương (38 HCV, 35 HCB, 38 HCD), giấy chứng nhận, tiền thưởng cho các cá nhân, đơn vị đạt thành tích xuất sắc.

<sup>60</sup> Kết quả, đoàn Trà Vinh đạt được 07 HCV, 04 HCB và 01 HCD, Nhì toàn đoàn





## 6. Tài nguyên và môi trường

Ban hành Kế hoạch duy trì, giữ vững xếp hạng Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023; ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện<sup>(61)</sup>. Cấp mới 50 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến nay cấp 626.618 giấy, đạt 99,39% diện tích cần cấp giấy. Đấu giá quyền sử dụng 02 thửa đất<sup>(62)</sup>; kiểm tra 14/19 dự án được giao đất, cho thuê đất. Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường 04 dự án<sup>(63)</sup>. Chỉ đạo UBND các huyện khắc phục những tồn tại theo kết quả kiểm tra Chỉ thị số 27-CT/TU và Kế hoạch số 04/KH-UBND, báo cáo tình hình xây dựng và thực hiện phương án thu gom, xử lý chất thải rắn.

## 7. Thông tin và truyền thông

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, sự đồng thuận của xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền kết quả nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; phát hành 1.500 cuốn sổ tay tuyên truyền biển, đảo; khởi động phần mềm Sổ tay đảng viên điện tử.

Chỉ đạo chỉnh trang, bó gọn hệ thống cáp viễn thông, cáp truyền hình trên địa bàn thành phố Trà Vinh, đến nay hoàn thành chỉnh trang 17/26 tuyến đường. Thực hiện tốt công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin; thường xuyên kiểm tra, rà soát, khắc phục lỗ hổng bảo mật trong các sản phẩm Microsoft; phát hiện 08 cảnh báo từ hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC). Ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ bưu chính công ích; dịch vụ bưu chính không thuộc dịch vụ bưu chính công ích năm 2023. Hoàn thành kết nối kho dữ liệu tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công tỉnh với Kho dữ liệu tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của cơ quan nhà nước, 87,35% văn bản được ký số điện tử; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp<sup>(64)</sup> được tăng cường.

## 8. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

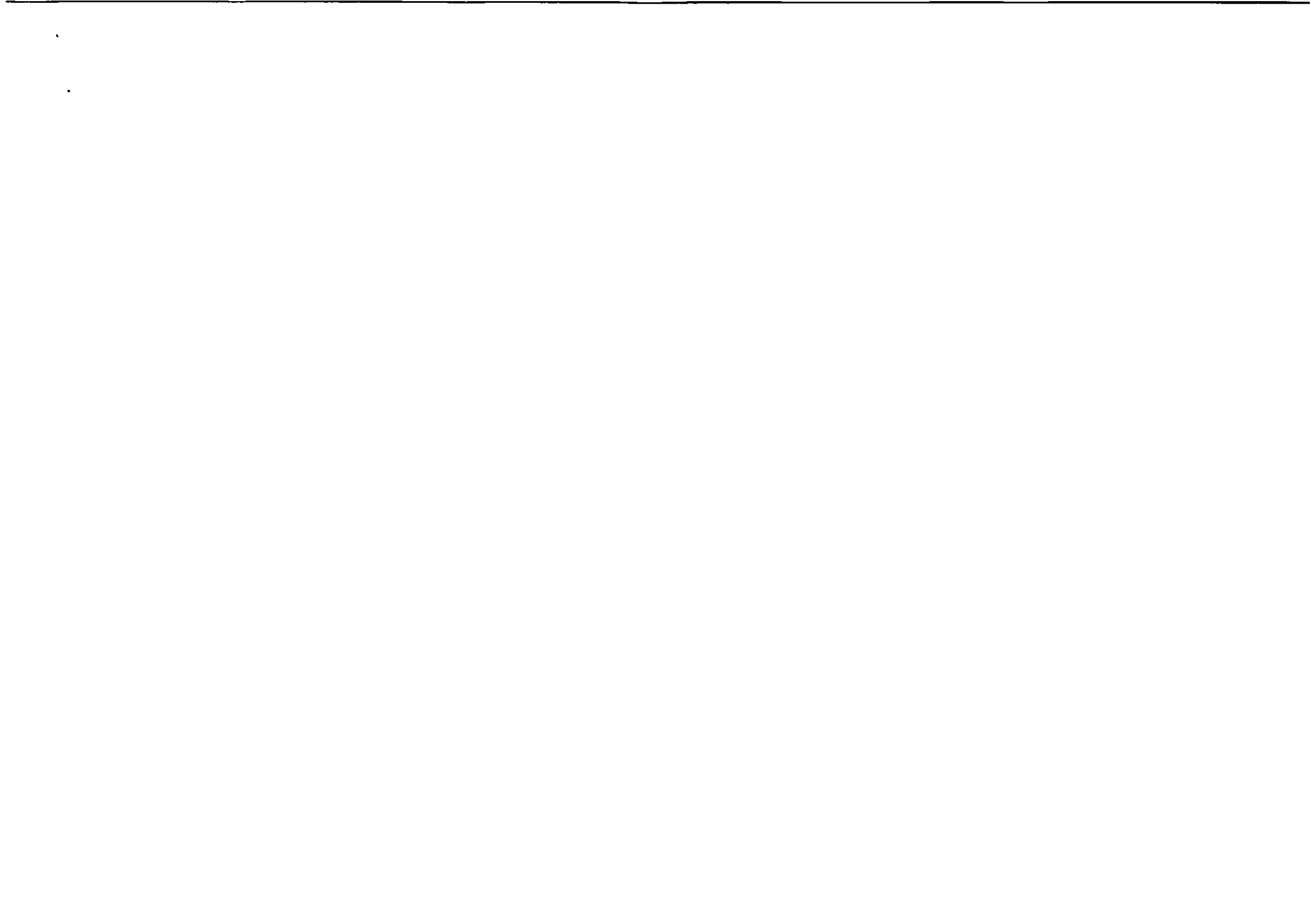
Hoàn thành kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023. Rà soát, hoàn thiện danh mục cơ quan, tổ chức hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 theo ý kiến Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy. Thẩm định Đề án thành lập Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh. Rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất, kiến nghị những quy định còn bất cập, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện các luật hiện hành.

<sup>61</sup> Cụ thể: Đã lựa chọn nhà thầu và thu thập thông tin: Cảng Long, Châu Thành, Tiểu Cần, TPCTV; triển khai thị xã Duyên Hải, Cầu Kè, Cầu Ngang, huyện Duyên Hải, Trà Cú

<sup>62</sup> Gồm: (1) Khu nhà ở thương mại tại đường 1/5, K1, P1, TXDH; (2) Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các thửa đất trên địa bàn Phường 1, thị xã Duyên Hải.

<sup>63</sup> Khu tham quan du lịch nghỉ dưỡng Ba Động, Bãi rốc huyện Tiểu Cần, Mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần, Khu nhà ở xã hội Khu công nghiệp Long Đức.

<sup>64</sup> Tiếp nhận 34.755 hồ sơ, trong đó hồ sơ trực tuyến chiếm 41,06%.



Thanh tra hành chính thực hiện 20 cuộc, ban hành kết luận thanh tra 06 cuộc, qua đó kiến nghị thu hồi 636,5 triệu đồng và 5.209,3m<sup>2</sup> đất, kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 01 tập thể, 14 cá nhân, kiểm điểm trách nhiệm 02 tập thể, 16 cá nhân. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 32 cuộc, với 159 tổ chức và 193 cá nhân, qua đó phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính 25 trường hợp<sup>(65)</sup>.

Tiếp 461 lượt người dân đến khiếu nại, tố cáo với 452 vụ việc, nhận 404 đơn, giải quyết 123/303 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 40,5% (*giải quyết đơn khiếu nại đạt 5,8%, đơn tố cáo đạt 33,3%, đơn yêu cầu đạt 48%, đơn phản ánh, kiến nghị đạt 46,3%, đơn tranh chấp đạt 50%*)<sup>(66)</sup>. Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tiếp tục xác minh tài sản thu nhập đợt 2 năm 2023.

### 9. Về quốc phòng, an ninh

Chủ động các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm; tổ chức Lễ ra quân tổng kiểm soát xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách và xe ô tô vận tải hàng hóa bằng container trên địa bàn tỉnh<sup>(67)</sup>; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày hội Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng kế hoạch diễn tập phòng chống lụt, bão huyện Duyên Hải năm 2023.

Xây ra 19 vụ tội phạm về trật tự xã hội, (giảm 02 vụ so với tháng trước (giảm 10,5%), lũy kế 174 vụ, so với cùng kỳ năm 2022 tăng 32 vụ (tăng 22%); 09 vụ tội phạm về ma túy, so với tháng trước ít hơn 6 vụ, lũy kế 87 vụ, so với cùng kỳ ít hơn 12 vụ; 01 vụ tội phạm về kinh tế, so với tháng trước giảm 1 vụ, lũy kế 07 vụ, so với cùng kỳ tăng 1 vụ; 05 vụ tai nạn giao thông, làm chết 04 người, 02 người bị thương, so với tháng trước tăng 5 vụ, 04 người chết, giảm 03 người bị thương, lũy kế 29 vụ tai nạn giao thông, làm chết 26 người, 17 người bị thương, so với cùng kỳ tăng 04 vụ, tăng 02 người chết, tăng 07 người bị thương; không xảy ra cháy, nổ, so với tháng trước không tăng, không giảm, lũy kế 01 vụ, giảm 01 vụ.

### III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

- Lĩnh vực kinh tế: Giá cả nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất còn duy trì ở mức cao; giá xăng, dầu được điều chỉnh tăng liên tục 03 lần<sup>(68)</sup> trong tháng, giá của biển giảm mạnh, giá tôm có tăng nhưng không nhiều; công tác tiêm phòng đàn vật nuôi còn chậm. Việc triển khai gói hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ đạt kết quả thấp và không có nhiều chuyển biến, nguyên nhân chủ yếu do nhiều hộ sản xuất, kinh doanh không có đăng ký hộ kinh doanh theo quy định, khách hàng đang có nợ quá hạn.

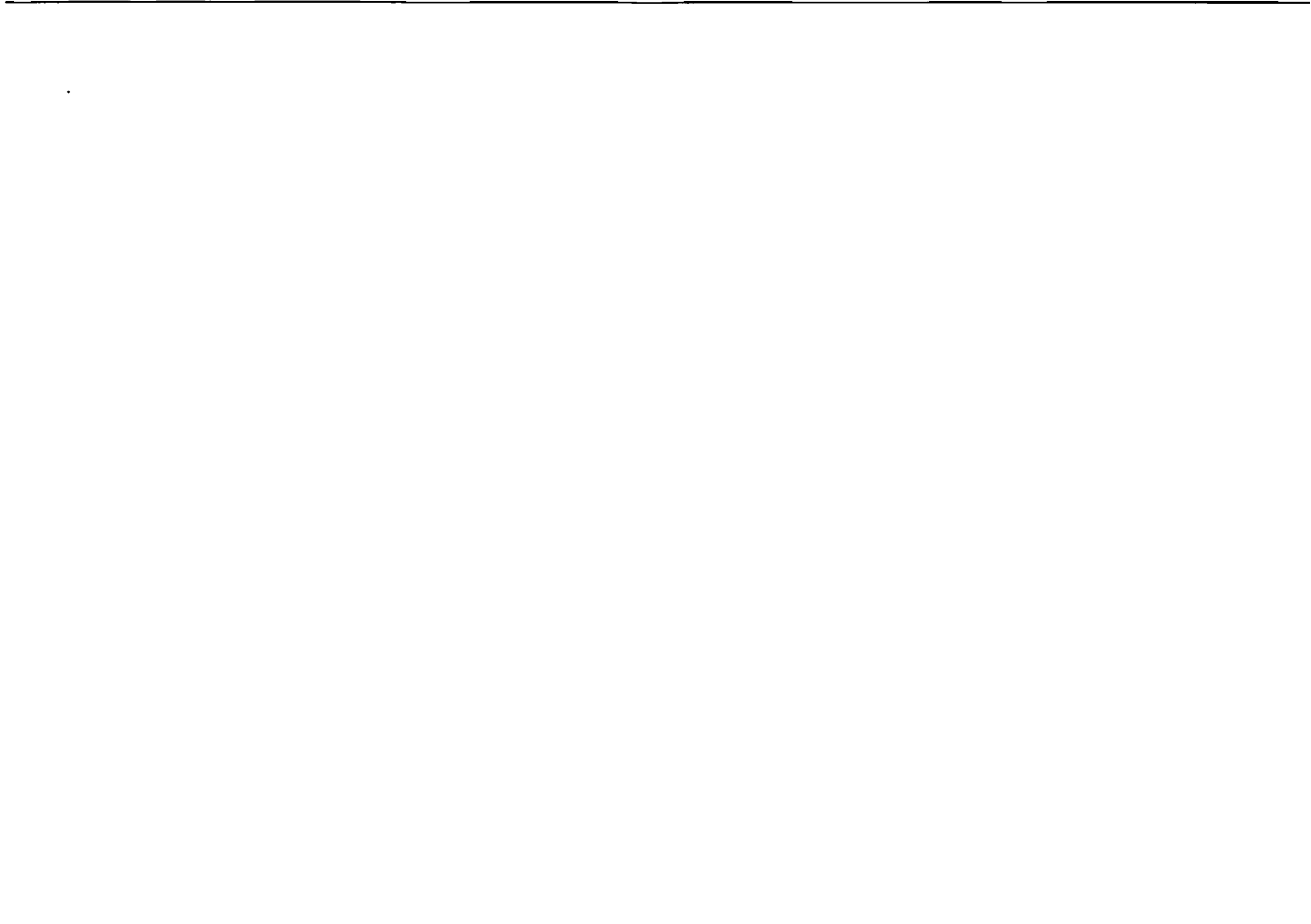
- Lĩnh vực văn hóa – xã hội: Số ổ dịch và số ca sốt xuất huyết, tay chân miệng tăng so với tháng trước và chưa có dấu hiệu giảm do hiện nay bước vào cao điểm mùa mưa, thuận lợi cho dịch bệnh phát triển; việc tuyên truyền vận động, tổ chức mở lớp đào tạo nghề theo chính sách hỗ trợ đào tạo sơ cấp, dưới 03 tháng ở một số địa

<sup>65</sup> Lũy kế 8 tháng, triển khai 32 cuộc thanh tra, ban hành 15 kết luận, kiến nghị thu hồi số tiền 22.383,5 triệu đồng và 5.209,3m<sup>2</sup>. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đã tổ chức 183 cuộc và trên 1.371 lượt tuần tra kiểm tra đối với 279 tổ chức, 2.257 cá nhân; ban hành 113 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 927,9 triệu đồng.

<sup>66</sup> Lũy kế 8 tháng đã tiếp 3.033 lượt người với 3.005 vụ việc; tiếp nhận 1.571 đơn, thuộc thẩm quyền 1.049 đơn, đã giải quyết được 608/1.049 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 57,9%.

<sup>67</sup> Đợt tổng kiểm soát từ ngày 15/8/2023-15/10/2023.

<sup>68</sup> Từ 21/7 đến 11/8/2023



phương còn khó khăn, do không có lao động đăng ký nhu cầu học nghề. Công tác triển khai thực hiện các hoạt động, dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện còn chậm, chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch, nguyên nhân do Chương trình có nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện, một số dự án mới được thiết lập triển khai thực hiện, Trung ương chưa có hướng dẫn tiêu chí xác định đối tượng người lao động có thu nhập thấp.

- Lĩnh vực nội chính: Tai nạn giao thông chưa được kiểm soát tốt, tăng cả 03 mặt so với cùng kỳ; tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền còn thấp do cần thời gian xác minh.

#### IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 9/2023

Căn cứ Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023; trong tháng 9 cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

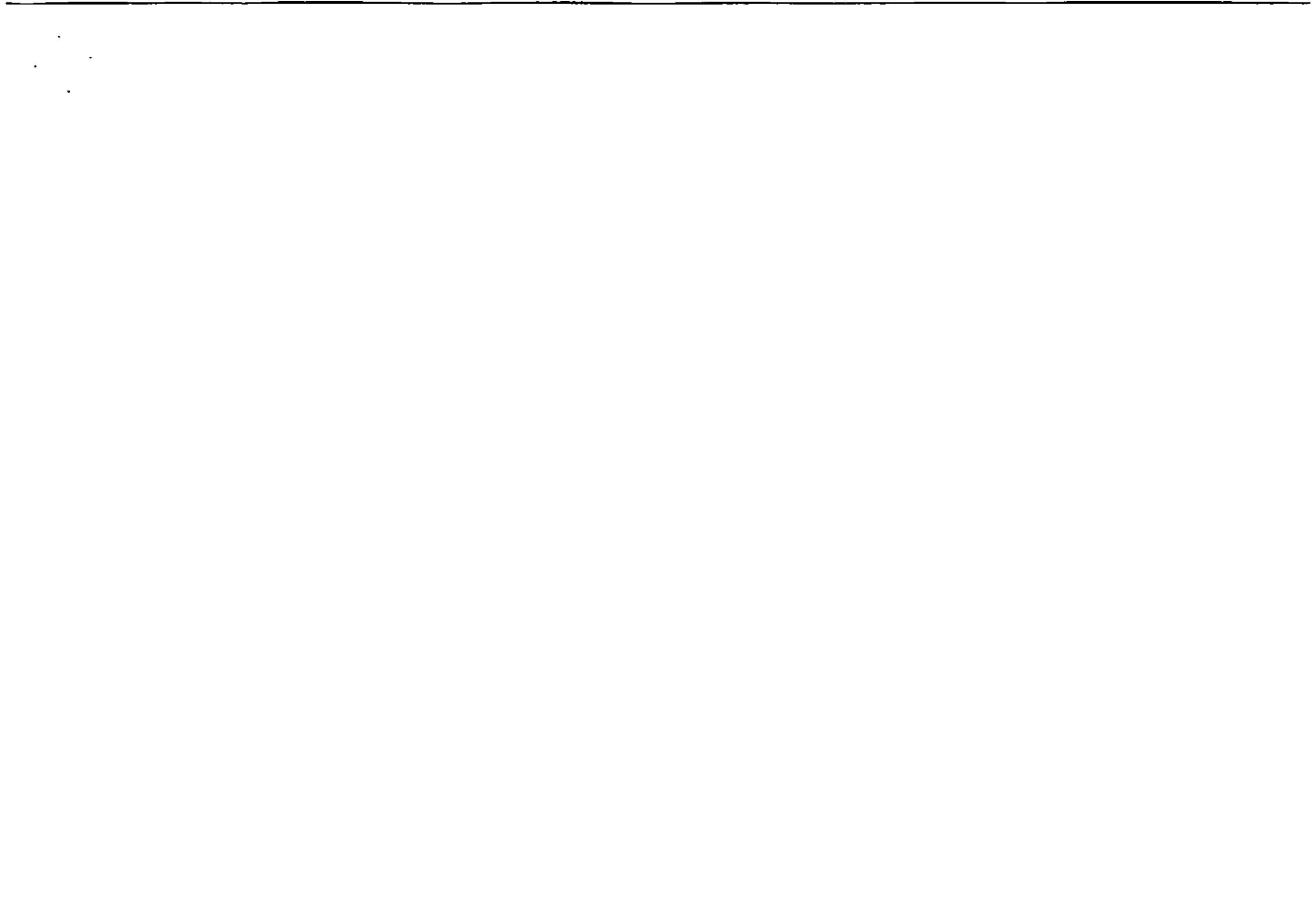
1. Tập trung thực hiện quyết liệt, trách nhiệm đối với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội từ nay đến cuối năm<sup>(69)</sup>, đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu còn thấp và lĩnh vực còn hạn chế. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết về tình hình phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2023; rà soát, đôn đốc việc thực hiện các nội dung theo chương trình làm việc của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023. Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm tỉnh Trà Vinh đến năm 2030.

2. Hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng, xuống giống lúa vụ thu đông theo khung lịch thời vụ; tuyên truyền, vận động luân canh cây màu trên đất trồng lúa, đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất tập trung; tăng cường tuyên truyền, vận động tiêm phòng các loại vắc xin cho đàn vật nuôi. Quan tâm tư vấn kỹ thuật và theo dõi chất lượng con giống, nguồn nước phục vụ nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ ngư dân hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản xa bờ gắn với tuyên truyền nâng cao nhận thức trong việc chống khai thác hải sản bất hợp pháp. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, chủ động các biện pháp phòng, chống thiên tai.

Thường xuyên rà soát, củng cố, nâng chất lượng các tiêu chí nông thôn mới; Tổ chức kiểm tra kết quả xây dựng nông thôn mới huyện Trà Cú. Quan tâm hỗ trợ huyện Cầu Kè, Tiêu Cẩn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác xây dựng, phát triển, đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP; tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023 (lần 1).

3. Thực hiện tốt công tác thông tin, bình ổn thị trường, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ gây bất ổn thị trường; tăng cường hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, phát triển thương mại điện tử; hỗ trợ sản phẩm OCOP 4 sao, 5 sao tham gia sàn giao dịch nước ngoài; triển khai Đề án “Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc xuất xứ đối với các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Trà Vinh”; bình chọn sản phẩm

<sup>69</sup> Đã giao cụ thể tại Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 02/8/2023 của UBND tỉnh.



công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2023. Thực hiện tốt công tác hỗ trợ, cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đến tìm hiểu và đầu tư vào tỉnh. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các dự án vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư năm 2023. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2024 và giai đoạn 2024 – 2026.

4. Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2024. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn xây dựng cơ bản, ưu tiên giải ngân kế hoạch năm 2022 chuyển sang năm 2023, nhất là nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia; xử lý nghiêm nhà thầu chậm trễ hợp đồng<sup>(70)</sup>. Tập trung hoàn chỉnh thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới năm 2024.

5. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên năm học 2023-2024; chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, trường lớp cho ngày toàn dân đưa trẻ đến trường và khai giảng năm học mới. Kiểm tra 07 trường đạt chuẩn quốc gia<sup>(71)</sup>. Xây dựng đề án sáp nhập Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh và Trung tâm giáo dục thường xuyên – Hướng nghiệp dạy nghề thành phố Trà Vinh thành Trung tâm giáo dục thường xuyên – Hướng nghiệp dạy nghề tỉnh Trà Vinh. Triển khai Chi thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Tăng cường quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Trà Vinh” cho dứa sáp tỉnh Trà Vinh.

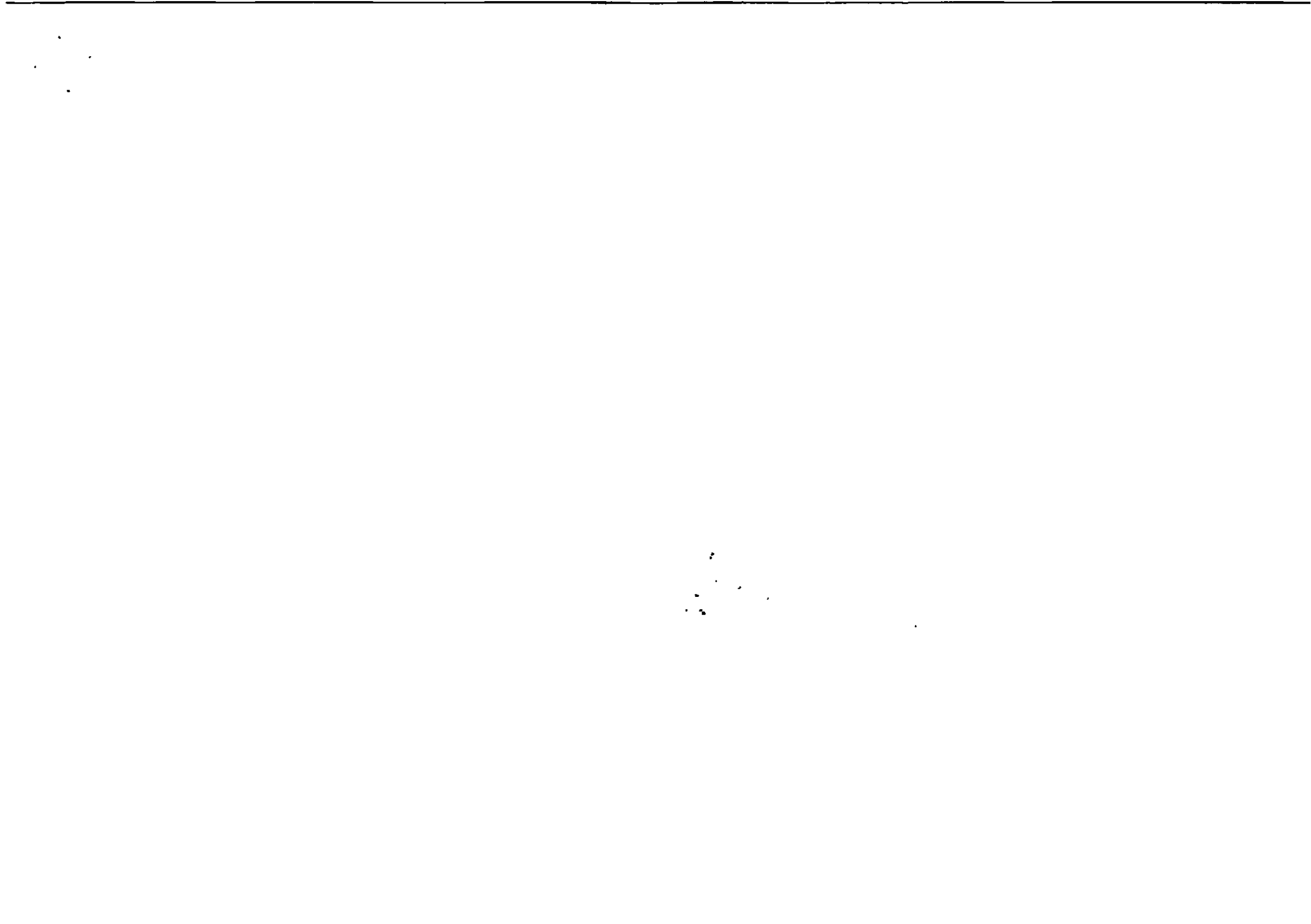
6. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân thực hiện các biện pháp phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm trên người, nhất là dịch sốt xuất huyết, tay chân miệng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tham gia BHXH, BHYT. Tổ chức hội thi về phòng, chống tác hại thuốc lá tại các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm; tăng cường kiểm tra an toàn thực phẩm nhân dịp Tết Trung thu.

7. Rà soát, nắm tình hình hoạt động, hỗ trợ doanh nghiệp trong tuyển dụng lao động. Thực hiện công tác đào tạo nghề sơ cấp cho 230 thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an năm 2023. Triển khai Kế hoạch tổng thể Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023; hoàn thành công tác đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

8. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chuẩn bị kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại 07 đơn vị cấp huyện và 14 đơn vị cấp xã. Tăng cường các hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới; xây dựng kế hoạch tổ chức Tết Trung thu năm 2023.

<sup>70</sup> Đầu tư, nâng cấp Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh; Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Châu Thành (giai đoạn 2021-2025); Đường giao thông liên xã Mỹ Hòa - Mỹ Long Bắc - thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang.

<sup>71</sup> THCS Trần Phú; THCS thị trấn Tiểu Cầm; THPT Cầu Quan, PT DTNT THCS&THPT huyện Tiểu Cầm, THPT Cầu Kè, THPT Phong Phú, THPT Tam Ngãi.





9. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, triển lãm nhân kỷ niệm 78 năm ngày Quốc khánh 2/9. Tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp hồ sơ khoa học di tích chùa Giác Ngộ; hoàn thành hồ sơ khoa học di tích đình Khánh Phước và di tích chùa Ô Chúc. Đăng cai giải Bóng chuyền nam U22 Đại hội Thể thao đồng bằng sông Cửu Long lần thứ IX - Hậu Giang. Hoàn chỉnh Kế hoạch tổ chức Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan ẩm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2023.

10. Tiếp tục xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện. Tăng cường công tác quản lý nhà nước lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch Làm cho Thế giới sạch hơn năm 2023.

11. Ban hành: Quy chế Quản lý, sử dụng hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số của tỉnh năm 2023; Kế hoạch thực hiện Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp viễn thông trong việc cải tạo, chỉnh trang mạng cáp viễn thông, truyền hình trên địa bàn.

12. Hướng dẫn chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thẩm định, xếp hạng đối với Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh. Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024. Theo dõi thực hiện Đề án điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính; rà soát, xây dựng Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Tiếp tục các Đoàn thanh tra theo kế hoạch, thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định.

13. Tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, nắm chắc tình hình địa bàn; chủ động các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn trật tự, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp nghỉ Lễ Quốc khánh và tháng cao điểm an toàn giao thông cho học sinh đến trường; tập trung tổng kiểm soát xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách và xe ô tô vận tải hàng hóa bằng container trên địa bàn tỉnh. / .vvw

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU; TTHĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. 04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lê Văn Hân

Handwritten notes in the top left corner, including the number "100" and some illegible scribbles.

Handwritten notes in the middle left area, including the number "100" and some illegible scribbles.



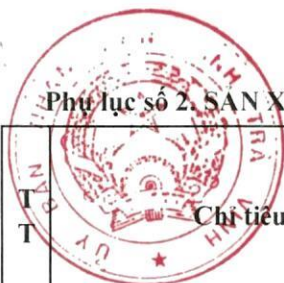
Phụ lục I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 8	ƯTH 8 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
<b>1</b>	<b>Tổng thu ngân sách</b>	Tỷ đồng	<b>9,108.280</b>	<b>12,886.418</b>	<b>670.363</b>	<b>11,553.701</b>	<b>89.66</b>	<b>126.85</b>
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3,572.638</i>	<i>5,701.000</i>	<i>456.587</i>	<i>3,992.918</i>	<i>70.04</i>	<i>111.76</i>
<b>2</b>	<b>Tổng chi ngân sách</b>	Tỷ đồng	<b>5,005.818</b>	<b>11,786.966</b>	<b>748.103</b>	<b>5,462.007</b>	<b>46.34</b>	<b>109.11</b>
<b>3</b>	<b>Số dự án đầu tư đăng ký mới<sup>(1)</sup></b>	Dự án	<b>5</b>		<b>2</b>	<b>8</b>		<b>160.00</b>
	- Số dự án trong nước	Dự án	5		2	7		140.00
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	13,775.33		148.20	883.53		6.41
	- Số dự án FDI	Dự án		5	0	1		
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD		70	0.00	2.50		
<b>4</b>	<b>Phát triển doanh nghiệp<sup>(2)</sup></b>							
	- Thành lập mới							
	+ Số doanh nghiệp	DN	332	<b>520</b>	42	365	70.19	109.94
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		175		26	220		125.71
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	5,053.0		317.00	3,015.0		59.67
	- Đăng ký bổ sung							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	593		67	561		94.60
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	3,834		5	5,178		135.05
	- Giải thể	DN	95		10	80		84.21

(1) Đến nay toàn tỉnh có 375 dự án còn hiệu lực, trong đó có 38 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 2,99 tỷ USD và 337 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 140.962 nghìn tỷ đồng. (Trong tháng thu hồi 01 dự án trong nước)

(2) Đến nay có 4.543 doanh nghiệp, vốn 62.559 tỷ đồng, 92.506 lao động (hiện có 2.854 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 52.756 tỷ đồng, 68.663 lao động) trong đó có 44 doanh nghiệp FDI.





**Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 8	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/8	Kế hoạch	Cùng kỳ
<b>A</b>	<b>NÔNG NGHIỆP</b>							
	<b>Diện tích gieo trồng hàng năm</b>	<b>Ha</b>	<b>174,825</b>	<b>242,513</b>	<b>10,528</b>	<b>182,089</b>	<b>75.08</b>	<b>104.15</b>
	<b>* Cây lương thực có hạt</b>							
	- Diện tích gieo trồng	ha	137,952	193,628	7,382	143,262	73.99	103.85
	- Diện tích thu hoạch	ha	85,637	193,628	12,966	81,215	41.94	94.84
	- Sản lượng	Tấn	525,176	1,076,105	69,746	478,530	44.47	91.12
<b>1</b>	<b>Lúa cả năm</b>							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	135,048	189,928	7,167	140,338	73.89	103.92
	- Diện tích thu hoạch	Ha	83,164	189,928	12,725	78,717	41.45	94.65
	- Năng suất	Tấn/ha	6.15	5.56	5.37	5.91	106.35	96.13
	- Sản lượng	Tấn	511,352	1,055,570	68,311	465,282	44.08	90.99
<b>a</b>	<b>Lúa mùa</b>							
	- DT gieo sạ	Ha	1,090			1,142		104.79
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,090			1,142		104.79
	- Năng suất	Tấn/ha	4.78			4.42		92.53
	- Sản lượng	Tấn	5,206			5,048		96.97
<b>b</b>	<b>Vụ Đông Xuân</b>							
	- Diện tích xuống giống	Ha	63,326	51,700		62,059	120.04	98.00
	- Diện tích thu hoạch	Ha	63,311	51,700		62,059	120.04	98.02
	- Năng suất	Tấn/ha	6.50	6.70		6.11	91.17	93.99
	- Sản lượng	Tấn	411,482	346,390		379,085	109.44	92.13
<b>c</b>	<b>Lúa Hè thu</b>							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	69,967	69,970		69,970	100.00	100.00
	- Diện tích thu hoạch	Ha	18,763	69,970	12,725	15,516	22.18	82.69
	- Năng suất	Tấn/ha	5.05	5.10	5.37	5.23	102.56	103.66
	- Sản lượng	Tấn	94,664	356,816	68,311	81,149	22.74	85.72
<b>d</b>	<b>Lúa Thu đông</b>							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	666	68,258	7,167	7,167	10.50	1,076.19
	- Diện tích thu hoạch	Ha		68,258			-	
	- Năng suất	Tấn/ha		5.16			-	
	- Sản lượng	Tấn		352,364			-	
<b>2</b>	<b>Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	39,777	52,585	3,360	41,751	79.40	104.96
	- Diện tích thu hoạch	Ha	30,311	52,585	2,772	31,679	60.24	104.51
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	27.02	26.61	24.86	27.12	101.93	100.39
	- Sản lượng	Tấn	818,898	1,399,152	68,904	859,195	61.41	104.92
<b>a</b>	<b>Màu lương thực</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4,540	5,970	430	4,662	78.09	102.68
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,599	5,970	369	3,713	62.19	103.17
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	9.22	10.12	10.05	8.79	86.90	95.36
	- Sản lượng	Tấn	33,184	60,417	3,707	32,651	54.04	98.39
	Trong đó:							
	+ <i>Bắp</i> :							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,904	3,700	215	2,924	79.02	100.69
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,473	3,700	241	2,498	67.52	101.02
	- Năng suất	Tấn/ha	5.59	5.55	5.96	5.30	95.55	94.87
	- Sản lượng	Tấn	13,825	20,535	1,435	13,248	64.51	95.83
	+ <i>Khoai lang</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	911	1,300	116	1,080	83.08	118.52

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 8	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/8	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích thu hoạch	Ha	648	1,300	80	774	59.50	119.31
	- Năng suất	Tấn/ha	17.64	16.89	17.45	14.72	87.18	83.47
	- Sản lượng	Tấn	11,437	21,957	1,402	11,390	51.87	99.59
	<b>+ Khoai mì</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	447	570	50	388	68.02	86.73
	- Diện tích thu hoạch	Ha	297	570	30	264	46.35	89.04
	- Năng suất	Tấn/ha	16.38	19.21	18.52	18.61	96.87	113.61
	- Sản lượng	Tấn	4,861	10,950	563	4,917	44.91	101.16
	<b>+ Cây có củ khác</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	278	400	49	270	67.58	97.20
	- Diện tích thu hoạch	Ha	180	400	17	177	44.20	98.04
	- Năng suất	Tấn/ha	16.98	17.44	17.63	17.51	100.42	103.12
	- Sản lượng	Tấn	3,062	6,975	307	3,096	44.39	101.10
<b>b</b>	<b>Màu thực phẩm</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	22,564	32,575	2,448	23,800	73.06	105.48
	- Diện tích thu hoạch	Ha	16,444	32,575	1,867	17,526	53.80	106.58
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.25	22.31	23.34	23.10	103.54	103.81
	- Sản lượng	Tấn	365,943	726,781	43,573	404,878	55.71	110.64
	Trong đó:							
	<b>+ Rau màu các loại</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	22,130	32,100	2,437	23,363	72.78	105.57
	- Diện tích thu hoạch	Ha	16,129	32,100	1,853	17,214	53.63	106.73
	- Năng suất	Tấn/ha	22.65	22.61	23.50	23.48	103.85	103.66
	- Sản lượng	Tấn	365,316	725,781	43,542	404,193	55.69	110.64
	<b>+ Đậu các loại</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	434	475	10	437	92.01	100.71
	- Diện tích thu hoạch	Ha	315	475	14	312	65.59	98.77
	- Năng suất	Tấn/ha	1.99	2.11	2.18	2.20	104.50	110.72
	- Sản lượng	Tấn	627	1,000	31	685	68.54	109.35
<b>c</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	12,673	14,040	483	13,289	94.65	104.86
	- Diện tích thu hoạch	Ha	10,268	14,040	536	10,441	74.36	101.68
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	40.88	43.59	40.35	40.39	92.66	98.80
	- Sản lượng	Tấn	419,771	611,954	21,624	421,666	68.90	100.45
	Trong đó:							
	<b>+ Mía cây</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,288	1,300	19	1,397	107.48	108.52
	- Diện tích thu hoạch	Ha	885	1,300	21	995	76.57	112.52
	- Năng suất	Tấn/ha	98.62	97.82	101.58	98.76	100.96	100.14
	- Sản lượng	Tấn	87,244	127,166	2,159	98,303	77.30	112.68
	<b>+ Đậu phộng</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,946	4,420	91	4,018	90.91	101.85
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,518	4,420	74	3,543	80.17	100.71
	- Năng suất	Tấn/ha	5.11	5.24	5.51	5.18	98.85	101.37
	- Sản lượng	Tấn	17,978	23,161	410	18,355	79.25	102.09
	<b>+ Cây lác</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,052	2,570	173	2,050	79.78	99.92
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,486	2,570	186	1,483	57.72	99.80
	- Năng suất	Tấn/ha	12.75	11.82	12.66	10.46	88.51	82.05
	- Sản lượng	Tấn	18,951	30,377	2,354	15,520	51.09	81.89
	<b>+ Cây khác</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,388	5,750	200	5,823	101.27	108.07

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ư' TH tháng 8	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/8	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4,379	5,750	254	4,418	76.84	100.89
	- Năng suất	Tấn/ha	67.50	75.00	65.67	65.52	87.36	97.07
	- Sản lượng	Tấn	295,597	431,250	16,701	289,488	67.13	97.93
<b>B</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	15	50	9	20	40.00	133.33
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	310	116		116	100.00	37.42
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	3,435	3,490		3,490	100.00	101.60
<b>C</b>	<b>THỦY - HẢI SẢN:</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng sản lượng</b>	<b>Tấn</b>	<b>151,990</b>	<b>244,550</b>	<b>36,905</b>	<b>172,177</b>	<b>70.41</b>	<b>113.28</b>
	Trong đó : - Tôm các loại	"	63,949	97,050	19,447	73,731	75.97	115.30
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	37,245	64,350	13,238	41,405	64.34	111.17
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	32,508	57,500	12,537	36,644	63.73	112.72
	Trong đó: - Tôm các loại	"	3,618	5,500	1,178	3,570	64.91	98.68
	- Cá các loại	"	17,603	29,500	6,179	19,916	67.51	113.14
	- Hải sản khác	"	11,287	22,500	5,180	13,158	58.48	116.57
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	4,738	6,850	701	4,761	69.50	100.49
	Trong đó: - Tôm các loại	"	527	550	68	420	76.31	79.60
	- Cá các loại	"	1,319	1,800	403	1,347	74.83	102.09
	- Thủy sản khác	"	2,891	4,500	230	2,994	66.53	103.57
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	114,745	180,200	23,667	130,772	72.57	113.97
	Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	65,323	98,000	22,068	76,634	78.20	117.32
	- Tôm sú	"	9,574	13,300	3,857	9,509	71.50	99.32
	- Tôm thẻ chân trắng	"	49,047	75,500	14,118	58,449	77.42	119.17
	- Cua biển	"	4,122	6,200	1,860	3,690	59.52	89.53
	- Thủy sản khác	"	2,581	3,000	2,233	4,986	166.20	193.22
	+ Vùng nước ngọt	"	49,422	82,200	1,599	54,138	65.86	109.54
	- Tôm càng xanh	"	1,184	2,200	226	1,783	81.05	150.65
	- Cá lóc	"	34,838	55,500	654	38,732	69.79	111.18
	- Cá tra, cá ba sa	"	3,910	7,000	51	9,497	135.67	242.88
	- Cá các loại	"	9,490	17,500	668	4,126	23.58	43.48
<b>2</b>	<b>Diện tích nuôi trồng thủy sản</b>	<b>Ha</b>	<b>54,658</b>	<b>52,100</b>	<b>4,711</b>	<b>55,673</b>	<b>106.86</b>	<b>101.86</b>
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	51,632	48,600	4,571	51,521	106.01	99.78
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	21,683	19,500	2,486	22,819	105.24	105.24
	- Tôm thẻ chân trắng	"	7,300	8,300	440	6,536	89.53	89.53
	- Nuôi cua biển	"	22,099	20,000	1,645	21,497	97.28	97.28
	- Thủy sản khác	"	550	800	-	669	121.64	121.64
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	3,026	3,500	141	4,153	118.65	137.24
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	20,494		1,381	19,449		94.90
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1,504		166	1,204		80.05
	- Diện tích thả nuôi	Ha	21,683		2,486	22,819		105.24
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	593		103	614		103.62
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1,406		62	1,169		83.14
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	166		21	104		63.06
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	11.77		33.19	8.93		75.84
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	16,909		1,697	15,062		89.08
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2,661		387	2,220		83.43

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ư' TH tháng 8	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/8	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích thả nuôi	Ha	7,300		440	6,536		89.53
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1,096		187	821		74.92
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	5,025		409	4,637		92.28
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	786		102	537		68.31
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	15.64		25.00	11.58		74.02





Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 8	ƯTH 8 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	<b>GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)</b>	Tỷ đồng	20,742.452	33,864.000	3,809.394	23,991.812	70.85	115.67
	<i>(Có tính nhiệt điện)</i>							
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	8.529	14.000	1.746	10.676	76.26	125.18
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	9.966.730	17.100.000	1.527.789	10.610.325	62.05	106.46
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	Tỷ đồng	10.561.301	16.413.000	2.253.190	13.155.857	80.16	124.57
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	205.892	337.000	26.669	214.954	63.78	104.40
	<b>Sản phẩm chủ yếu:</b>							
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	4.844	9.338	640	4.694	50.27	96.92
2	Đường kết	Tấn	8.192	7.000		6.886	98.38	84.06
3	Than hoạt tính	Tấn	4.665	6.000	520	4.442	74.03	95.20
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	799	1.832	127	940	51.30	117.59
5	Máy mặc (quần áo các loại)	1000chiếc	2.909	7.384	462	2.811	38.06	96.63
6	Thảm dệt các loại	1000m2	1.203	2.200	175	1.398	63.53	116.23
7	Nước sinh hoạt	1000m3	23.053	35.680	2.914	24.224	67.89	105.08
8	Gạo xay xát	Tấn	214.746	723.298	12.203	90.942	12.57	42.35
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	7.640	12.466	995	8.195	65.74	107.27
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	1.874	12.000	307	2.198	18.32	117.33
11	Giày thành phẩm	1000 đôi	3.769	7.500	641	3.769	50.25	99.98
12	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	816	1.150	102	837	72.76	102.55
13	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	8.182.0	12.616.6	2.160.6	9.506.2	75.35	116.18
	- Sản lượng nhiệt điện	Tr. Kwh	7.468.7	11.228.6	2.063.2	8.839.8	78.73	118.36
	- Sản lượng điện gió, điện mặt trời	Tr. Kwh	713.3	1.387.9	97.4	666.4	48.01	93.42
B	<b>TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH</b>	%	99.33	99.60		99.57	99.97	100.24
	Phát triển hộ sử dụng điện	Hộ	2.643	1.000	401	1.484	148.40	56.15
C	<b>TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ</b>	Tỷ đồng	30,197.30	52,465.00	4,733.53	37,135.78	70.78	122.98
	- Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	20,688.29	35,931.00	3,353.87	25,442.78	70.81	122.98
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	5,264.82	9,533.00	774.83	6,539.87	68.60	124.22
	- Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	11.51	21.00	3.95	32.08	152.77	278.80
	- Dịch vụ khác	Tỷ đồng	4,232.69	6,980.00	600.88	5,121.05	73.37	120.99

